

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài:

SGDCKTPHCM đã ra đời và đi vào hoạt động cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Với vai trò là một trong những cơ quan trực tiếp quản lý và điều hành thị trường chứng khoán tại Việt Nam, SGDCKTPHCM đã từng bước xây dựng bộ máy quản lý cả về cơ sở vật chất và con người phục vụ cho nhu cầu phát triển của TTCK Việt Nam. Nếu năm 2006, quy mô TTCK còn nhỏ bé chỉ với 106 công ty thì sang đến năm 2008 số lượng các công ty niêm yết tại SGDCKTPHCM là 170. Để đảm bảo công tác quản lý, điều hành một cách hiệu quả, không kìm hãm sự phát triển của TTCK, SGDCKTPHCM cần có sự chuẩn bị dài hạn cho các nguồn lực bên trong.

Sự suy thoái của nền kinh tế thế giới trong năm 2008 đang tiếp tục ảnh hưởng đến các quốc gia trong đó có Việt Nam. Đây là nguyên nhân khiến TTCK Việt Nam trong thời gian vừa qua trải qua nhiều biến động, làm cho môi trường đầu tư có phần kém hấp dẫn các nhà đầu tư. Chính vì vậy, những giải pháp để thu hút sự quan tâm của công chúng đầu tư trong thời gian tới là hết sức cần thiết.

TTCK Việt Nam còn rất nhỏ bé so với các TTCK trong khu vực và trên thế giới. Để hạn chế những điểm yếu thông qua việc tăng cường quan hệ hợp tác với các SGDCK trong khu vực là một trong những giải pháp mà SGDCKTPHCM cần quan tâm.

Trong chiến lược phát triển thị trường chứng khoán, cũng như thị trường vốn của Chính phủ đề ra, TTCK sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng là kênh huy động vốn cho nền kinh tế. Giá trị vốn hóa của TTCK vào năm 2020 sẽ đạt 70% GDP. Trên cơ sở những định hướng phát triển chung cho toàn bộ thị trường, các SGDCK và TTGDCK tại Việt Nam cần phải đề ra những chiến lược cụ thể để thực hiện.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Tác giả nghiên cứu những vấn đề sau:

- Nghiên cứu những lý luận cơ bản về hoạch định chiến lược phát triển tổ chức và chọn lọc nền lý thuyết phù hợp để ứng dụng vào nghiên cứu.

- Phân tích các quan điểm và chính sách của chính phủ về phát triển TTCK tại Việt Nam, đồng thời phân tích tình hình hoạt động tại SGDCK.TPHCM để từ đó thấy được những điểm mạnh, điểm yếu, những thời cơ và thách thức tác động trực tiếp và gián tiếp đến SGDCKTPHCM.

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề trên tác giả sẽ Hoạch định chiến lược phát triển SGDCKTPHCM trong giai đoạn từ khi SGDCKTPHCM được thành lập (5/2007 – chuyển từ TTGDCK.TPHCM thành SGDCKTPHCM) đến 2015 và đưa ra một số giải pháp thực hiện.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.**

Hoạch định chiến lược phát triển SGDCKTPHCM.

### **4. Phương pháp nghiên cứu;**

Tác giả áp dụng các bước sau để thực hiện nghiên cứu:

- Bắt đầu từ nghiên cứu nền lý thuyết của đề tài, tác giả nghiên cứu tổng quan các lý thuyết về hoạch định chiến lược và quản trị chiến lược, từ đó chọn cách tiếp cận về lý thuyết phù hợp với đề tài.
- Phần nghiên cứu thực trạng hoạt động của SGDCKTPHCM được thực hiện bằng phương pháp thu thập các số liệu thứ cấp từ tài liệu của SGDCKTPHCM, báo chí và xử lý chúng bằng các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê.
- Phần đề xuất chiến lược được thực hiện bằng phương pháp điều tra, xử lý thông tin về ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của SGDCKTPHCM, phỏng vấn chuyên gia để có thêm dữ liệu cần cho việc hoạch định chiến lược phát triển SGDCK TP HCM

### **5. Kết cấu đề tài nghiên cứu:**

Kết cấu của đề tài nghiên cứu ngoài phần mở đầu và phần kết luận, gồm 3 chương:

- Chương I: Cơ sở lý luận về hoạch định chiến lược doanh nghiệp

Đề cập đến những lý thuyết cơ bản phục vụ cho việc nghiên cứu

- Chương II: Phân tích tình hình hoạt động của SGDCKTPHCM

Trong chương này, tác giả đề cập đến mô hình tổ chức, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ mà SGDCKTPHCM đang gặp phải.

- Chương III: Chiến lược phát triển SGDCKTPHCM đến năm 2015.

Trong chương này, tác giả đề cập đến chiến lược phát triển SGDCKTPHCM đến năm 2015 và một số giải pháp thực hiện.

## **CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC**

### **1.1 Các khái niệm căn bản**

#### **1.1.1. Chiến lược.**

Có nhiều định nghĩa về chiến lược, mỗi định nghĩa có ít nhiều điểm khác nhau, tùy vào quan niệm của mỗi tác giả. Theo cuốn sách Quản trị Chiến Lược của Lê Thế Giới và các tác giả (2007) đã tổng kết các định nghĩa sau: (4, trang10)

Năm 1962 chiến lược được Chanler định nghĩa như là “việc xác định các mục tiêu, mục đích cơ bản dài hạn của doanh nghiệp và việc áp dụng một chuỗi các hành động cũng như sự phân bổ các nguồn lực cần thiết để thực hiện mục tiêu”.

Năm 1980 khi môn quản trị chiến lược trở nên chín muồi, Quinn đã đưa ra định nghĩa mang tính khái quát cao hơn: “Chiến lược là mô thức hay kế hoạch tích hợp các mục tiêu chính, các chính sách, và chuỗi hành động vào một tổng thể được cố kết một cách chặt chẽ”.

Johnson và Scholes định nghĩa lại chiến lược trong điều kiện môi trường có nhiều biến đổi nhanh chóng: “Chiến lược là định hướng và phạm vi của một tổ chức về dài hạn nhằm giành lợi thế cạnh tranh cho tổ chức thông qua việc định dạng các nguồn lực của nó trong môi trường thay đổi, để đáp ứng nhu cầu và thoả mãn mong đợi của các bên hữu quan”.

Theo tác giả thì chiến lược của doanh nghiệp là định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp, trong đó chứa đựng những mục tiêu, chính sách của doanh nghiệp được xây dựng trên cơ sở phân tích những nguồn lực từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Chiến lược không chỉ giúp doanh nghiệp xác định được vị trí của mình trên thị trường, khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác mà còn giúp doanh nghiệp có những bước đi cụ thể hơn nhằm đạt được những mục tiêu trong tương lai.

#### **1.1.2.Quản trị chiến lược**

Quản trị chiến lược có thể được định nghĩa như là một nghệ thuật và khoa học thiết lập, thực hiện và đánh giá các quyết định liên quan nhiều chức năng cho phép một tổ chức đạt được những mục tiêu đề ra.

Theo Nguyễn Thị Liên Diệp và Phạm Văn Nam (2008) “Quản trị chiến lược là quá trình nghiên cứu các môi trường hiện tại cũng như tương lai, hoạch định các mục tiêu của tổ chức; đề ra, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định để đạt được các mục tiêu đó trong môi trường hiện tại cũng như tương lai nhằm tăng thế lực cho doanh nghiệp”, (7, trang15).

Theo tác giả thì quản trị chiến lược là quá trình bao gồm các hoạt động liên tục từ soát xét môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, đến hoạch định các mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp, thực thi chiến lược, đánh giá và kiểm soát chiến lược.

Quá trình quản trị chiến lược gồm có ba giai đoạn: thiết lập chiến lược, thực hiện chiến lược và đánh giá chiến lược.

➤ *Lợi ích của quản trị chiến lược:*

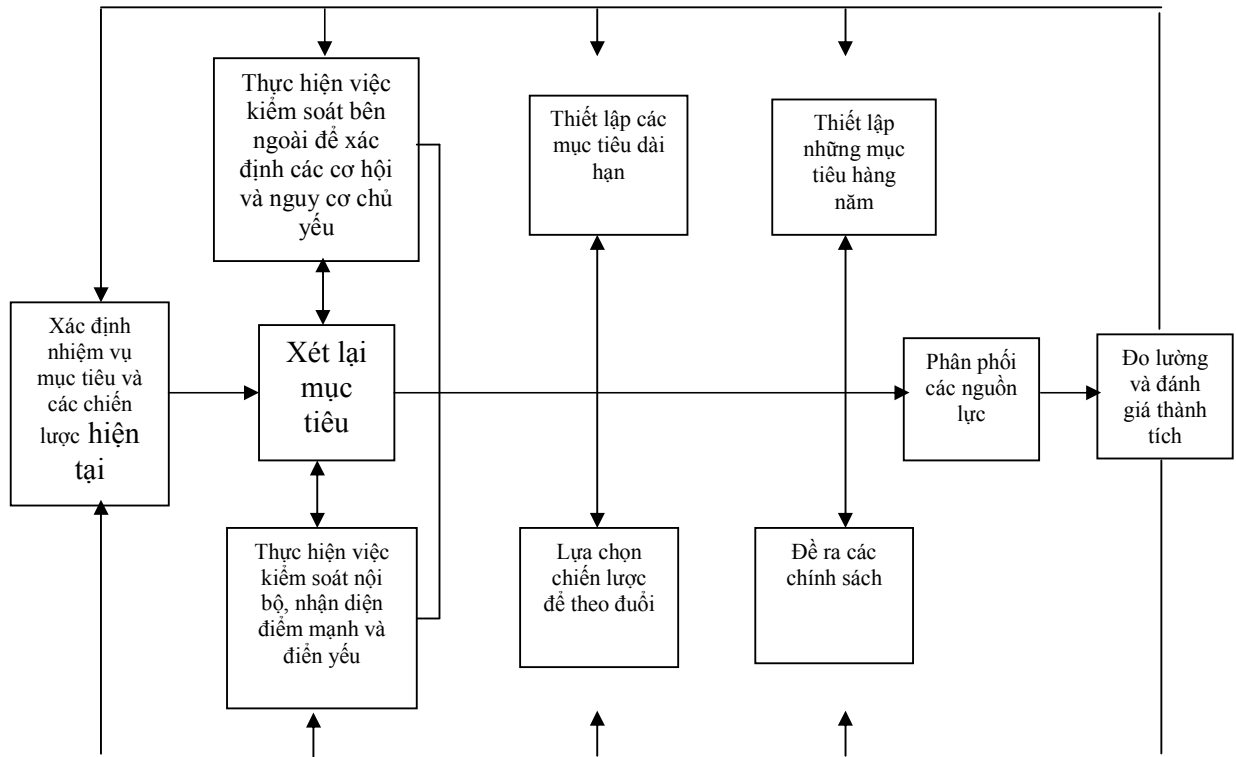
Các nghiên cứu cho thấy các tổ chức áp dụng quản trị chiến lược sẽ đạt hiệu suất cao hơn so với các tổ chức không thực hiện quá trình này. Greenley nhấn mạnh đến những lợi ích của quản trị chiến lược như sau:

- Nó cho phép sự nhận biết, ưu tiên và tận dụng các cơ hội.
- Nó cho ta cái nhìn khách quan về những vấn đề quản trị.
- Nó biểu hiện cơ cấu của việc hợp tác và kiểm soát được cải thiện đối với các hoạt động.
- Nó tối thiểu hoá tác động của những điều kiện và những thay đổi có hại
- Nó cho phép có những quyết định chính yếu trong việc hỗ trợ tốt hơn các mục tiêu đã thiết lập.
- Nó thể hiện sự phân phối hiệu quả thời gian và các nguồn tài nguyên cho các cơ hội đã xác định.
- Nó cũng cho phép tốn ít tài nguyên và thời gian hơn dành cho việc điều chỉnh lại các quyết định sai sót hoặc các quyết định đặc biệt,
- Nó tạo ra cơ cấu cho việc thông tin liên lạc nội bộ trong bộ phận nhân sự.
- Nó giúp hoà hợp ứng xử của các cá nhân vào trong nỗ lực chung.
- Nó cung cấp cơ sở cho sự làm rõ trách nhiệm cá nhân.
- Nó khuyến khích suy nghĩ về tương lai.

- Nó cho ta một phương cách hợp tác, hoà hợp và nhiệt tình để xử trí các vấn đề và cơ hội phát sinh.
- Nó khuyến khích thái độ tích cực đối với sự đổi mới.
- Nó cho ta một mức độ kỷ luật và quy cách quản trị doanh nghiệp.

Với những lợi ích trên, cho đến nay hầu hết các doanh nghiệp thành công trên thế giới đã áp dụng quản trị chiến lược trong quá trình hoạt động và đã đem lại những hiệu quả rõ rệt.

Với những cơ sở lý luận cơ bản trên, tác giả xin giới thiệu sơ đồ tổng thể mô hình quản trị chiến lược.



Hình 1.1 Mô hình quản trị chiến lược của Fred R. David.

Nguồn: Nhóm dịch: Trương Công Minh, Trần Tuấn Thạc, Trần Thị Tường Như (2006), Khái luận về quản trị chiến lược, NXB Thống kê (2, trang 187).

#### - Hoạch định chiến lược

Qua sơ đồ trên cho thấy hoạch định chiến lược là phần nội dung rất quan trọng của quản trị chiến lược, bao gồm các nội dung công việc là xác định viễn cảnh và sứ mệnh của tổ chức, phân tích môi trường bên trong để nhận dạng các điểm mạnh và

điểm yếu của tổ chức; phân tích môi trường bên ngoài để nhận dạng các cơ hội và đe dọa qua đó xem xét lại các mục tiêu; Lựa chọn các chiến lược. Bài luận văn này tập trung vào việc hoạch định chiến lược phát triển của SGDCKTPHCM (một trong những cơ quan trực tiếp điều hành TTCK tại Việt Nam).

## **1.2. Quy trình hoạch định chiến lược.**

### **1.2.1. Xác định viễn cảnh và sứ mạng của doanh nghiệp:**

Viễn cảnh của doanh nghiệp hay còn gọi là tầm nhìn của doanh nghiệp thể hiện các mục đích mong muốn cao nhất và khái quát nhất của tổ chức. Viễn cảnh mô tả khát vọng, tương lai của tổ chức về những gì tổ chức đang vươn tới. Viễn cảnh sẽ tập trung sự tưởng tượng của mọi người trong tổ chức và là nguồn động lực để hướng mọi nguồn lực trong tổ chức thực hiện được các mục đích, ý tưởng.

Vì vậy, Viễn cảnh không thể hiện các chiến lược bước đi, hay phương pháp mà tổ chức dùng để theo đuổi mục đích cụ thể. Nhưng nó cung cấp cho nhà quản trị cái nhìn bao quát để thấy hướng đi của doanh nghiệp đã đúng chưa. Viễn cảnh của doanh nghiệp cũng là tiền đề để nhà quản trị sẽ xác định sứ mạng của doanh nghiệp.

Sứ mạng của doanh nghiệp là một phát biểu có ý nghĩa lâu dài thể hiện trách nhiệm, niềm tin và ý tưởng của những người tham gia trong tổ chức đó. Việc xác định sứ mạng là hết sức cần thiết để thiết lập mục tiêu và soạn thảo chiến lược một cách có hiệu quả. Do vậy, nhiệm vụ của doanh nghiệp phải phát biểu một cách rõ ràng nhằm đạt được các yêu cầu sau:

- Đảm bảo được sự nhất trí về mục đích bên trong của tổ chức
- Cung cấp cơ sở hoặc tiêu chuẩn để phân phối nguồn lực của tổ chức
- Tạo một tiêu chuẩn định hướng chung cho các cá nhân trong tổ chức, tạo sự đồng cảm với mục đích và phương hướng tổ chức.
- Định rõ mục đích của tổ chức và đưa mục đích này vào các mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp thông qua các giá trị có thể định lượng và đánh giá được.
- Tạo điều kiện chuyển hoá mục tiêu thành các chiến lược và các biện pháp hoạt động cụ thể khác.

Trên cơ sở sứ mạng được xác định, bộ phận hoạch định sẽ triển khai các bước tiếp theo của quá trình hoạch định chiến lược.

## **1.2.2. Phân tích môi trường tác động đến doanh nghiệp**

### **1.2.2.1. Phân tích môi trường nội bộ**

Môi trường nội bộ của doanh nghiệp chính là nguồn lực bên trong cũng như toàn bộ hoạt động diễn ra trong nội tại doanh nghiệp. Việc phân tích môi trường nội bộ nhằm kiểm tra sức khỏe của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp phát huy điểm mạnh và hạn chế những điểm yếu có thể.

- Các nguồn lực trong doanh nghiệp:
  - Nguồn lực hữu hình là những thứ dễ dàng xác định và đánh giá như nguồn lực tài chính và tài sản hữu hình mà doanh nghiệp sở hữu. Việc phân tích và đánh giá đúng mức các nguồn lực hữu hình chính là cơ sở quan trọng, giúp các nhà quản trị hiểu được các nguồn lực tiềm tàng, những hạn chế...để từ đó có các quyết định quản trị thích nghi với thực tế.
  - Nguồn lực vô hình: Bao gồm nhân sự, khả năng cải tiến, danh tiếng, thương hiệu, công nghệ, văn hoá tổ chức...Đây là những nguồn lực không thấy được nhưng đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp xác định và duy trì được lợi thế cạnh tranh, uy tín trên thị trường.

- Khả năng:

Bản thân các nguồn lực vô hình, hữu hình tự nó không thể tạo ra được lợi thế cạnh tranh, cũng như sức mạnh cho doanh nghiệp nếu không được sử dụng và quản trị có hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu đặt ra. Khả năng tiềm tàng của công ty có thể xác định thông qua các khu vực chức năng trong mối liên hệ giữa các khu vực chức năng trong công ty với nhau như: quản trị, marketing, tài chính – kế toán, sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, xây dựng các hệ thống thông tin.

- Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong(IFE)

Bước cuối trong phân tích tình hình nội bộ của doanh nghiệp là xây dựng ma trận đánh giá các yếu tố bên trong IFE nhằm đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu



của các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp. Ma trận này được thực hiện thông qua 5 bước

- Bước 1: Liệt kê các yếu tố then chốt như đã xác định trong quá trình đánh giá nội bộ. Danh mục này bao gồm từ 10 đến 20 yếu tố, bao gồm những điểm mạnh và điểm yếu.
- Bước 2: Phân loại tầm quan trọng từ 0,0 (không quan trọng) đến 1,0 (rất quan trọng) cho mỗi yếu tố. Sự phân loại này cho thấy tầm quan trọng tương đối của yếu tố đó đối với sự thành công của công ty trong ngành. Tổng các mức độ quan trọng bằng 1,0.
- Bước 3: Phân loại từ 1 đến 4 cho mỗi yếu tố, trong đó: 1 đại diện cho điểm yếu lớn nhất, 2 là điểm yếu nhỏ nhất, 3 là điểm mạnh nhỏ nhất, 4 là điểm mạnh lớn nhất.
- Bước 4: Nhân mức độ quan trọng của mỗi yếu tố với phân loại của nó (= bước 2 x bước 3) để xác định số điểm về tầm quan trọng.
- Bước 5: Cộng tổng số điểm về tầm quan trọng cho mỗi yếu tố để xác định tổng số điểm quan trọng cho tổ chức.
- Bất kể ma trận IEF có bao nhiêu yếu tố, tổng số điểm quan trọng cao nhất mà một công ty có thể có là 4 và thấp nhất là 1,0 và trung bình là 2,5. Tổng số điểm lớn hơn 2,5 cho thấy công ty mạnh về nội bộ, nhỏ hơn 2,5 cho thấy công ty yếu.

#### **1.2.2.2. Phân tích môi trường bên ngoài.**

Môi trường hoạt động của doanh nghiệp luôn chứa đựng những yếu tố khách quan tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Những tác động này vận động liên tục và luôn tạo nên những cơ hội, cũng như nguy cơ cho doanh nghiệp. Việc dự đoán, am hiểu những yếu tố của môi trường bên ngoài sẽ giúp cho các nhà quản trị đưa ra được những quyết sách nhanh chóng, kịp thời tận dụng được những cơ hội trên thị trường.

a) Môi trường vĩ mô.

- + Ảnh hưởng kinh tế: Các yếu tố ảnh hưởng về kinh tế bao gồm: tỷ lệ lạm phát, lãi suất ngân hàng, giai đoạn chu kỳ kinh tế, cán cân thanh toán, chính sách tài chính tiền tệ.
- + Ảnh hưởng luật pháp, chính trị: Các yếu tố luật pháp chính trị, chính phủ có ảnh hưởng ngày càng lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp. Mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải nằm trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Chính trị ổn định luôn là động lực giúp cho các doanh nghiệp yên tâm tập trung vào sản xuất kinh doanh.
- + Ảnh hưởng xã hội: Các ảnh hưởng xã hội chủ yếu bao gồm xu hướng nhân chủng học, sở thích, chuẩn mực đạo đức, quan điểm về mức sống...Nhưng thay đổi về các yếu tố xã hội thường chậm nên khó nhận ra.
- + Ảnh hưởng tự nhiên: Đây là những yếu tố liên quan đến môi trường, hệ sinh thái, năng lượng, tài nguyên. Nhu cầu con người ngày càng tăng, trong khi nguồn lực lại có hạn.
- + Ảnh hưởng của công nghệ: Công nghệ liên tục thay đổi, ngày càng nhiều công nghệ tiên tiến hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm mới với thời gian nhanh hơn, tiết kiệm nguyên liệu hơn, công tác quản lý, giám sát chính xác và hiệu quả hơn và vòng đời sản phẩm ngày càng ngắn.

#### b) Môi trường vi mô

- + Khách hàng: Nhu cầu của khách hàng về sản phẩm cả về vật chất và dịch vụ ngày càng tăng lên, điều này tạo nên áp lực cho doanh nghiệp phải liên tục nghiên cứu, cải tiến sản phẩm, đưa ra những sản phẩm mới thoả mãn nhu cầu khách hàng. Mặt khác, với vai trò là người mua, khách hàng luôn muốn đưa ra những mức giá thấp cho sản phẩm làm cho lợi nhuận doanh nghiệp bị sụt giảm.
- + Nhà cung cấp: Nhà cung cấp bao gồm những đối tượng cung cấp những yếu tố đầu vào cho doanh nghiệp hoạt động như cung cấp nguyên liệu, cung cấp máy móc thiết bị...Khi nhà cung cấp có ưu thế họ có thể gây áp lực, tạo bất lợi cho doanh nghiệp.

- + Đối thủ cạnh tranh: Là những đơn vị kinh doanh những sản phẩm tương tự của doanh nghiệp, đang tìm cách chiếm lĩnh thị phần của doanh nghiệp. Khi phân tích đối thủ cạnh tranh, ta xử lý các thông tin qua ma trận hình ảnh cạnh tranh. Trong ma trận hình ảnh cạnh tranh, các đối thủ cạnh tranh cũng được phân loại thông qua việc tính tổng số điểm quan trọng của từng công ty. Từ đó cho thấy vị thế của công ty so với các đối thủ cạnh tranh.
- + Sản phẩm thay thế: Sản phẩm này có thể thay thế một phần hoặc toàn bộ sản phẩm của doanh nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường, làm hạn chế tiềm năng lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài (EFE)
  - + Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài (EFE) giúp ta tóm tắt và lượng hoá những ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài doanh nghiệp. Xây dựng ma trận gồm các bước sau;
    - + Lập danh mục các yếu tố có vai trò quyết định đối với sự thành công như đã nhận diện trong quá trình kiểm tra các yếu tố bên ngoài.
    - + Phân loại tầm quan trọng từ 0,0 (không quan trọng) đến 1,0 (rất quan trọng) cho mỗi yếu tố. Sự phân loại thấy tầm quan trọng tương ứng của yếu tố đó đối với sự thành công của công ty trong ngành. Tổng số các mức phân loại bằng 1,0.
    - + Phân loại từ 1 đến 4 cho mỗi yếu tố quyết định sự thành công để cho thấy cách thức mà các chiến lược hiện tại của công ty phản ứng với yếu tố này, với mức 4 là phản ứng tốt nhất, 3 và 2 là mức gần trung bình và 1 là kém. Các mức này dựa trên hiệu quả của chiến lược ở công ty. Như vậy, sự phân loại này dựa trên công ty.
    - + Nhân tầm quan trọng của mỗi biến số với phân loại của nó để xác định số điểm về tầm quan trọng.
    - + Cộng tổng số điểm về tầm quan trọng cho mỗi biến số để xác định tổng số điểm quan trọng cho tổ chức.

Bất kể số các cơ hội và mối đe dọa, tổng số điểm quan trọng cao nhất mà một tổ chức có thể có là 4,0, thấp nhất là 1,0 và trung bình là 2,5. Tổng số điểm quan

trọng lớn nhất bằng 4 cho thấy tổ chức phản ứng rất tốt với các cơ hội và mối đe dọa hiện tại trong môi trường của họ.

- Ma trận hình ảnh cạnh tranh.

Ma trận hình ảnh cạnh tranh nhận diện những đối thủ cạnh tranh cùng những ưu thế và khuyết điểm đặc biệt của họ. Ma trận cạnh tranh là sự mở rộng của ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài vì nó bao gồm cả những yếu tố bên ngoài lẫn bên trong quyết định sự thành công cho doanh nghiệp. Ngoài ra trong ma trận hình ảnh cạnh tranh các đối thủ cạnh tranh cũng được phân loại thông qua việc tính tổng số điểm quan trọng của từng công ty. Tổng số điểm được đánh giá của các công ty cạnh tranh đem ra so sánh với công ty đang nghiên cứu.

### **1.2.3 Xác định mục tiêu.**

Trên cơ sở phân tích môi trường hoạt động bên trong và bên ngoài doanh nghiệp sẽ nhận thấy được những cơ hội và nguy cơ từ môi trường hoạt động, đồng thời thấy được điểm yếu và điểm mạnh của doanh nghiệp.

Dựa trên tham vọng trong tương lai và kết quả phân tích thực trạng, doanh nghiệp sẽ thiết lập, điều chỉnh các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn khác nhau.

### **1.2.4. Lựa chọn chiến lược**

Ở bước này cần xây dựng ma trận SWOT, đây là công cụ quan trọng có thể giúp các nhà quản trị phát triển bốn loại chiến lược:

- + Chiến lược điểm mạnh – cơ hội (SO): Chiến lược này nhằm sử dụng những điểm mạnh bên trong của doanh nghiệp để tận dụng những cơ hội bên ngoài.
- + Chiến lược điểm yếu – cơ hội (WO): Chiến lược này nhằm cải thiện những điểm yếu bên trong để tận dụng cơ hội bên ngoài doanh nghiệp.
- + Chiến lược điểm mạnh - nguy cơ (ST): Chiến lược này nhằm sử dụng các điểm mạnh bên trong của doanh nghiệp để tránh khỏi hoặc hạn chế ảnh hưởng của những đe dọa từ môi trường bên ngoài.

- + Chiến lược điểm yếu – nguy cơ (WT): Chiến lược này nhằm cải thiện điểm yếu bên trong và hạn chế những ảnh hưởng từ mối đe dọa của môi trường bên ngoài.
- + Các bước xây dựng ma trận SWOT:
  - Liệt kê điểm mạnh chủ yếu bên trong của doanh nghiệp
  - Liệt kê những điểm yếu chủ yếu bên trong của doanh nghiệp
  - Liệt kê những cơ hội lớn bên ngoài doanh nghiệp
  - Liệt kê những mối đe dọa lớn bên ngoài doanh nghiệp
  - Kết hợp điểm mạnh bên trong với các cơ hội bên ngoài và ghi kết quả của chiến lược SO vào ô thích hợp.
  - Kết hợp những điểm yếu kém bên trong với những cơ hội bên ngoài và ghi kết quả của chiến lược WO.
  - Kết hợp những điểm mạnh bên trong với mối đe dọa bên ngoài và ghi kết quả vào ô thích hợp
  - Kết hợp điểm yếu bên trong với nguy cơ bên ngoài và ghi kết vào ô thích hợp.

Các nhà quản trị sử dụng ma trận SWOT nhằm đưa ra các gợi ý chiến lược khả thi có thể lựa chọn.

### **Tóm tắt chương I:**

Trong chương I, tác giả đã nêu những cơ sở lý thuyết về hoạch định chiến lược và vai trò quản trị chiến lược đối với hoạt động của một doanh nghiệp.

Việc hoạch định chiến lược phát triển sẽ giúp cho doanh nghiệp xác định được những mục tiêu cần phải đạt được trong tương lai, cách thức đạt được những mục tiêu này. Có chiến lược, doanh nghiệp sẽ chủ động hơn trong việc tận dụng những cơ hội, cũng như đối phó với những nguy cơ có thể xảy ra cho doanh nghiệp.

Để hoạch định chiến lược cho một tổ chức, nhà hoạch định phải trải qua giai đoạn xác định mục tiêu hiện tại của doanh nghiệp, phân tích môi trường bên trong, bên ngoài để thấy được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức mà một

doanh nghiệp đang gặp phải, trên cơ sở đó sẽ xác định mục tiêu, chiến lược và giải pháp thực hiện.

Trên nền tảng lý thuyết cụ thể, tác giả sẽ triển khai nghiên cứu việc hoạch định chiến lược phát triển cho SGDCKTPHCM trong các chương tiếp theo.

SGDCKTPHCM và TTGDCKHN hiện là hai đơn vị điều hành trực tiếp TTCK tập trung tại Việt Nam, đồng thời chịu sự chỉ đạo của bộ tài chính, Ủy ban Chứng khoán nhà nước nên trong đề tài tác giả cũng không chú trọng nhiều đến sự cạnh tranh giữa hai đơn vị này. Theo định hướng phát triển TTCK Việt Nam mà Chính phủ đưa ra, trong tương lai, TTGDCKHN sẽ tập trung chủ yếu vào thị trường OTC và SGDCKTPHCM sẽ tập trung cho thị trường niêm yết cổ phiếu có điều kiện cao. Vì vậy, tác giả sẽ vận dụng lý thuyết một cách có chọn lọc, phù hợp để ứng dụng vào nghiên cứu thực tiễn

## **CHƯƠNG II. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA SGDCKTPHCM**

### **2.1. Tổng quan thị trường chứng khoán Việt Nam.**

#### **2.1.1 Giới thiệu khái quát TTCK Việt Nam.**

TTCK Việt Nam mới được hình thành và phát triển trong một số năm gần đây khi nền kinh tế Việt Nam chuyển dần từ kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường và bước vào thời kỳ hội nhập. Nói đến TTCK Việt Nam hiện nay không thể không nói đến hai đơn vị đại diện: SGDCKTPHCM và TTGDCKHN. Để giới thiệu về TTCK Việt Nam, tác giả luận văn xin giới thiệu về hai đơn vị này.

#### **a) Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tiền thân là Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (TTGDCKTPHCM) được thành lập theo quyết định số 127/1998/QĐ-TTg ngày 11/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 20/7/2000 TTGDCKTPHCM khai trương và tổ chức phiên giao dịch đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/7/2000. Sau một thời gian hoạt động, ngày 11/05/2007 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 599/QĐ-TTg chuyển TTGDCKTPHCM thành Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Khi mới thành lập, TTGDCKTPHCM là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và trực thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Khi chuyển thành Sở giao dịch, SGDCKTPHCM là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp. Nguồn: SGDCKTPHCM(2008), Lịch sử hình thành phát triển, <http://www.hsx.vn>. (10)

TTGDCKTPHCM khai trương với sự tham gia của hai công ty niêm yết đầu tiên là Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (mã chứng khoán SAM) và Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (mã chứng khoán REE). Kể từ đó, quy mô thị trường niêm yết liên tục được mở rộng.

Đến cuối năm 2007, SGDCKTPHCM đã có 138 loại cổ phiếu, 3 chứng chỉ quỹ và 366 trái phiếu được niêm yết đạt giá trị vốn hoá 365 ngàn tỷ đồng. Dự tính trong thời gian tới, số lượng cổ phiếu sẽ tăng mạnh do Chính phủ có chủ trương đưa

cổ phiếu của một số tổng công ty, ngân hàng thương mại quốc doanh cổ phần hoá và niêm yết trên TTCK.

Trước sự tăng trưởng của TTCK, số lượng các công ty chứng khoán thành viên của SGDCKTPHCM không ngừng tăng lên cả số lượng, quy mô và chất lượng dịch vụ. Tính đến hết ngày 31/12/2007, toàn thị trường đã có 62 công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên của Sở với tổng số vốn đăng ký 9.960 tỷ đồng.

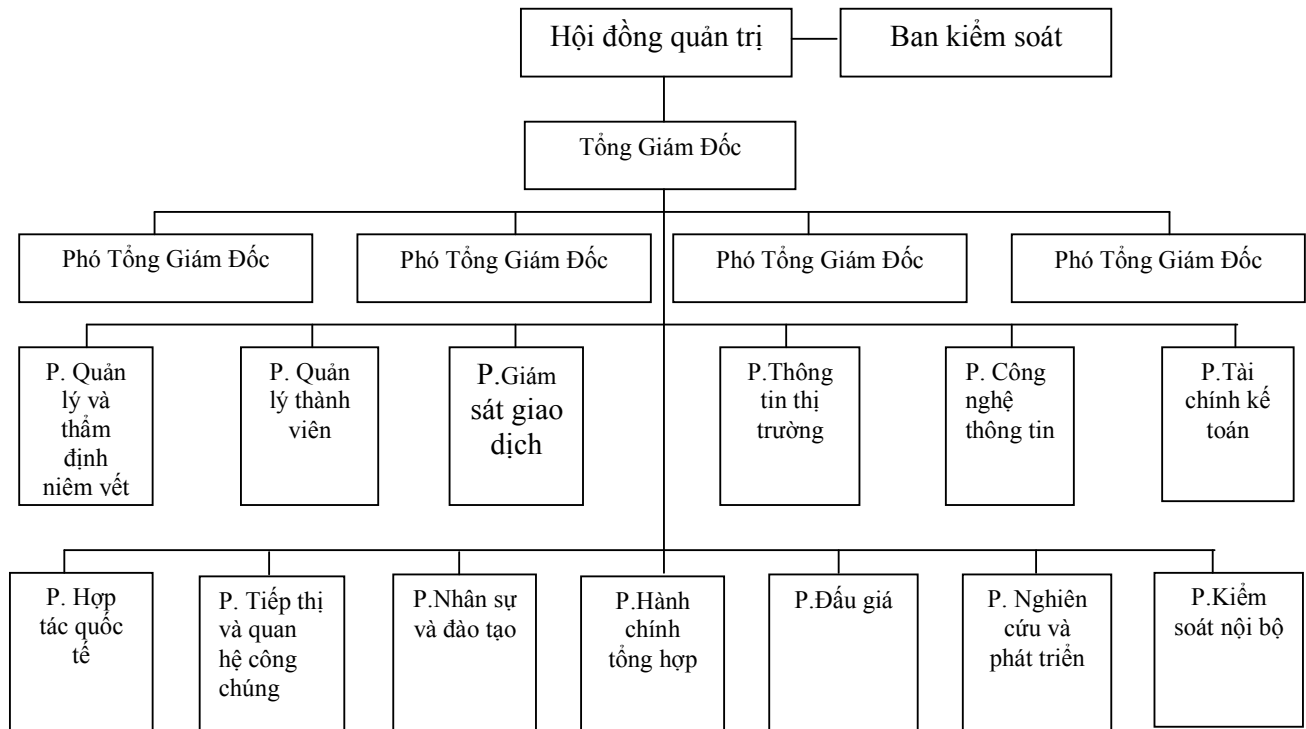
Sự gia tăng nhanh lượng cổ phiếu trên thị trường đã thu hút được sự tham gia của đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nếu như đến năm 2006 chỉ có 106.000 tài khoản được mở tại các công ty chứng khoán thì đến cuối năm 2007, con số này đã tăng là 349.402, trong đó hơn 8.441 tài khoản của các nhà đầu tư nước ngoài. Nguồn: SGDCKTPHCM (2008), Báo cáo thường niên năm 2007, (8, trang 69).

Sự ra đời và đi vào hoạt động của SGDCKTPHCM đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thị trường tài chính Việt Nam. Điều này có ý nghĩa to lớn đối với nền kinh tế Việt Nam. Nó mở ra các kênh huy động vốn dài hạn cho các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

➤ **Cơ cấu tổ chức:**

Hiện tại, cơ cấu tổ chức của SGDCKTPHCM gồm 13 phòng: phòng Hành chính tổng hợp; phòng Tài chính kế toán; phòng Công nghệ thông tin; phòng Đấu giá; phòng Giám sát giao dịch; phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết; phòng Quản lý thành viên; phòng Thông tin thị trường; phòng Nghiên cứu phát triển; phòng Nhân sự và đào tạo; phòng Hợp tác quốc tế; phòng Tiếp thị và Quan hệ công chúng; phòng Kiểm soát nội bộ. Tất cả các phòng đang cùng nhau kết hợp chặt chẽ tạo nên sức mạnh cho SGDCKTPHCM.





Hình 2.1. Cơ cấu tổ chức SGDCKTPHCM

Nguồn:SGDCK.TPHCM(2008), Báo cáo thường niên 2007, (8, trang 15).

➤ **Chức năng nhiệm vụ:**

- Hội đồng quản trị: Đưa ra định hướng phát triển cho SGDCKTPHCM trong tương lai.
- Ban kiểm soát: Giám sát tình hình điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo công ty.
- Ban giám đốc: Trực tiếp quản lý, điều hành doanh nghiệp để thực hiện những chính sách, mục tiêu mà Hội đồng quản trị đã đề xuất.
- Phòng Quản lý và thẩm định niêm yết: gồm một giám đốc, hai phó giám đốc và 18 chuyên viên. Phòng có chức năng thẩm định hồ sơ các công ty đăng ký niêm yết trên SGDCKTPHCM, đồng thời quản lý, giám sát và hướng dẫn các công ty thực hiện những quy định khi niêm yết tại SGDCKTPHCM như công bố thông tin, thực hiện quyền, xử lý các vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của tổ chức niêm yết.

- Phòng Giám sát giao dịch: Gồm một giám đốc và một phó giám đốc và 10 chuyên viên. Phòng có chức năng giám sát các hoạt động giao dịch trên thị trường như giao dịch của các công ty chứng khoán thành viên, các giao dịch của cổ đông nội bộ, người có liên quan đến các cổ đông nội bộ và cổ đông lớn của tổ chức niêm yết. Phát hiện và xử lý những vi phạm trên thị trường chứng khoán.
- Phòng Thông tin thị trường: Gồm một giám đốc, một phó giám đốc và 16 chuyên viên. Phòng có chức năng lưu trữ và cung cấp thông tin ra thị trường chứng khoán để các tổ chức cá nhân tham khảo thông qua website của SGDCKTPHCM và ấn phẩm bản tin chứng khoán hàng ngày hoặc cung cấp thông tin cho các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu.
- Phòng Công nghệ thông tin: Gồm một giám đốc, hai phó giám đốc và 30 chuyên viên. Phòng có chức năng xây dựng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin của SGDCKTPHCM, đảm bảo về mặt kỹ thuật của hệ thống giao dịch chứng khoán và hệ thống mạng thông tin nội bộ hoạt động an toàn, ổn định và chính xác. Phòng tham mưu cho lãnh đạo những vấn đề khác liên quan đến công nghệ thông tin.
- Phòng Tài chính kế toán: gồm một kế toán trưởng và 15 nhân viên. Phòng có chức năng thực hiện những công tác về tài chính kế toán, đảm bảo việc quản lý, hạch toán thu chi và sử dụng các nguồn vốn một cách có hiệu quả và tuân thủ những đúng những quy định pháp luật về chế độ kế toán hiện hành.
- Phòng Hợp tác quốc tế: Gồm một Phó giám đốc và 3 chuyên viên. Phòng có chức năng xây dựng và phối hợp thực hiện các chương trình hợp tác giữa SGDCKTPHCM với các tổ chức quốc tế, các Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- Phòng Tiếp thị và quan hệ công chúng: Gồm 1 giám đốc và 5 chuyên viên. Phòng có nhiệm vụ tổ chức các sự kiện do SGDCKTPHCM tổ chức. Là cầu nối thông tin giữa SGDCKTPHCM với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp.

- Phòng Hành chính tổng hợp: Gồm 1 Phó giám đốc và 42 chuyên viên. Phòng có chức năng quản lý toàn bộ hoạt động hành chính tại SGDCKTPHCM
- Phòng nhân sự: Gồm 1 Phó giám đốc và 4 chuyên viên. Phòng có chức năng quản lý hoạt động nhân sự của SGDCKTPHCM như tuyển dụng, phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên.
- Phòng Nghiên cứu và phát triển: Gồm 1 Giám đốc và 3 chuyên viên. Phòng có chức năng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới cho TTCK, các nghiên cứu nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý hàng hoá niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Phòng Quản lý thành viên: Gồm 1 giám đốc, 1 phó giám đốc và 15 chuyên viên. Phòng có chức năng quản lý, giám sát hoạt động của các công ty chứng khoán thành viên đảm bảo các công ty chứng khoán thực hiện nghiêm các quy định trên TTCK, quản lý và vận hành hệ thống giao dịch.
- Phòng đấu giá: Gồm 1 Phó giám đốc, 2 chuyên viên. Phòng có chức năng hướng dẫn và tổ chức các cuộc đấu giá cổ phiếu, trái phiếu của các công ty thực hiện tại SGDCKTPHCM.
- Phòng Kiểm soát nội bộ: Gồm 1 Phó giám đốc và 3 chuyên viên. Phòng có chức năng kiểm soát, đánh giá các phòng ban của Sở trong việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và quy chế của Sở ban hành.

Do mới chuyển đổi từ mô hình TTGDCK sang SGDCK, nên SGDCKTPHCM vẫn đang trong quá trình xây dựng và kiện toàn cơ cấu bộ máy làm việc, đảm bảo các bộ phận hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả.

#### **b) Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội**

Trên cơ sở Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg ngày 11/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập hai TTGDCK ở Hà Nội và TpHCM trực thuộc UBCKNN, ngày 8/3/2005 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội (TTGDCKHN) đi vào hoạt động chính thức.

TTGDCKHN hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng. Kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp và trực thuộc biên chế của UBCKNN.

Về cơ cấu tổ chức, TTGDCKHN có 8 phòng, ban: phòng Hành chính tổng hợp; phòng Tài chính kế toán; phòng Công nghệ thông tin; ban Đấu giá; phòng Giám sát giao dịch; phòng Quản lý đăng ký giao dịch; phòng Quản lý thành viên; phòng Thông tin thị trường. Nguồn: Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội (2008), lịch sử phát triển,

[http://hastc.vn/lichsuphattrien.asp?actType=1&menuup=201000&TypeGrp=1&menuid=201110&menulink=200000&menupage=Quydingh\\_CocheGD01.asp&stocctype=2](http://hastc.vn/lichsuphattrien.asp?actType=1&menuup=201000&TypeGrp=1&menuid=201110&menulink=200000&menupage=Quydingh_CocheGD01.asp&stocctype=2). (11)

Trong định hướng phát triển TTCK Việt Nam đến năm 2010 của Chính phủ, sự ra đời của TTGDCKHN tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ tham gia niêm yết, đồng thời chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất và vấn đề pháp lý để sau năm 2010 sẽ chuyển thành thị trường giao dịch chứng khoán phi tập trung (OTC). Theo đó TTGDCKHN sẽ phát triển theo 2 giai đoạn.

Giai đoạn đầu: từ năm 2005 đến 2007 – thực hiện đấu giá cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá và đấu giá trái phiếu Chính phủ, đồng thời tổ chức giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo cơ chế đăng ký kinh doanh

Giai đoạn 2 sau năm 2007 – Phát triển TTGDCKHN thành thị trường phi tập trung phù hợp với quy mô phát triển của TTCK Việt Nam.

Trong giai đoạn đầu tiên đi vào hoạt động, TTGDCKHN đã tổ chức đấu giá cổ phần thành công cho 3 doanh nghiệp nhà nước là: nhà máy Thiết bị Bưu điện, nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh, Công ty Điện lực Khánh Hoà.

Ngày 14/7/2005 TTGDCKHN khai trương sàn giao dịch, đưa sáu công ty lên sàn giao dịch là: Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng, Công ty cổ phần Giấy Hải Âu, Công ty cổ phần Hacinco, Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hoà, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh và Công ty cổ phần Thăng Long.

Đến cuối năm 2007, TTGDCKHN đã tổ chức 121 đợt đấu giá cổ phần cho nhiều công ty, 70 đợt đấu thầu trái phiếu và đưa 142 loại cổ phiếu lên niêm yết tại TTCK. Mặc dù đi vào hoạt động sau TTGDCKTPHCM, nhưng số lượng các doanh

niêm yết tại TTGDCKHN tăng khá nhanh. Một trong các nguyên nhân thu hút được sự tham gia đông đảo các công ty là điều kiện niêm yết đơn giản hơn, yêu cầu vốn điều lệ thấp hơn so với SGDCKTPHCM.

TTCK không những tạo cơ hội cho các công ty huy động được nguồn vốn lớn phục vụ cho phát triển kinh doanh, mà còn tạo cơ hội khẳng định uy tín, thương hiệu của công ty trước người tiêu dùng, nhà đầu tư, các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Vì vậy, trong tương lai, số lượng các công ty niêm yết trên TTGDCKHN sẽ còn tăng lên.

TTGDCKHN ra đời đã đánh dấu một bước tiến mới trên TTCK Việt Nam. Quy mô thị trường mở rộng cùng với sự tham gia của các công ty có quy mô vốn khác nhau làm phong phú thêm hàng hoá trên TTCK. Việc huy động vốn của các công ty sẽ dễ dàng hơn khi cổ phiếu được các nhà đầu tư đón nhận rộng rãi. Thành quả đạt được của TTGDCKHN trong những năm qua đã khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong định hướng phát triển TTCK Việt Nam.

TTCK Việt Nam là sản phẩm của chuyển đổi cơ cấu từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước ta. TTCK ra đời đã đánh dấu một bước chuyển biến mới góp phần hoàn thiện thị trường tài chính nước ta, đồng thời phù hợp với quy luật phát triển của một quốc gia có nền kinh tế thị trường đang phát triển. Qua hơn 8 năm đi vào hoạt động, TTCK Việt Nam đã và đang trở thành cầu nối quan trọng để các công ty tiếp cận với các nguồn vốn trong và ngoài nước phục vụ nhu cầu phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở ra một kênh đầu tư mới cho các nhà đầu tư. Quy mô thị trường mở rộng, bộ máy vận hành thị trường phát triển, hệ thống các văn bản pháp quy cũng được bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển thị trường. Tuy nhiên, còn ít kinh nghiệm hoạt động, TTCK Việt Nam hiện tại vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của tất cả các nhà đầu tư trong cũng như ngoài nước. Quy mô thị trường tuy đã mở rộng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, còn nhỏ bé so với các nước trong khu vực và trên Thế giới. Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với tiềm năng. Thấy rõ điều đó, Chính phủ đã đề ra định hướng phát triển trong tương lai của TTCK Việt Nam là phải đạt mức độ vốn hoá của thị trường chiếm 70% GDP của nền kinh tế. Để thực hiện điều này đòi hỏi có sự nỗ lực của tất cả các thành viên tham gia thị trường.

Có thể nói, từ khi thành lập đến nay, SGDCKTPHCM và TTGDCKHN dù còn non trẻ nhưng đã góp phần quản lý và điều hành TTCK từng bước phát triển phù hợp với quy luật thị trường và theo đúng định hướng của Đảng và nhà nước.

Ngày 2/1/2009 TTGDCKHN chính thức được chuyển thành SGDCKHN theo quyết định số 01/2009/QĐ-Ttg của Thủ tướng chính phủ. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu giai đoạn phát triển mới của TTGDCKHN.

### **2.1.2. Định hướng phát triển đối với TTGDCK.TPHCM từ khi thành lập đến năm 2010.**

Trong giai đoạn đầu đi vào hoạt động, trên cơ sở định hướng phát triển của TTCK Việt Nam, TTGDCKTPHCM đã đưa ra các nhiệm vụ cơ bản trong giai đoạn này như sau.

- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên bổ sung cho các phòng ban nghiệp vụ.
- Tổ chức, quản lý điều hành việc mua bán chứng khoán, quản lý hệ thống giao dịch, quản lý hoạt động niêm yết, công bố thông tin, giám sát giao dịch, hoạt động đăng ký, lưu ký thanh toán bù trừ chứng khoán theo quy định pháp luật ban hành và sự chỉ đạo trực tiếp của UBCKNN.
- Đảm bảo hoạt động giao dịch chứng khoán từng bước đi vào hoạt động một cách an toàn, không để xảy ra những sự cố lớn.
- Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của các công ty niêm yết, mặt khác nâng cao chất lượng nội dung và đa dạng hoá các phương tiện thông tin theo phương châm đầy đủ kịp thời, chính xác, dễ tiếp cận như website, bản tin thị trường chứng khoán, màn hình điện tử đặt tại TTGDCK.TPHCM, các công ty chứng khoán thành viên, thông qua mạng internet, fax và các ấn phẩm thường niên của TTGCK.
- Tăng cường thu hút các công ty cổ phần tham gia niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK.TPHCM.
- Cải thiện hoạt động hoạt động đăng ký lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ, đảm bảo quy trình thanh toán các giao dịch diễn ra an toàn

- Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, thu hút nhà đầu tư tham gia, đặc biệt là các giải pháp kỹ thuật như: Tăng biên độ, tăng lần khớp lệnh, giảm lô giao dịch. Thời gian giao dịch sẽ tăng lên 5 ngày trong tuần
- Chuẩn bị mọi điều kiện vật chất, con người để đáp ứng cho việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ TTGDCK thành SGDCK.
- Hoàn thiện và tiến tới tự động hoá hoàn toàn hệ thống giao dịch tại TTGDCK.TPHCM.
- Tham gia xây dựng luật chứng khoán Việt Nam và hoàn thiện khung pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán nói chung.

### **2.1.3. Diễn biến cơ bản của TTCK trong thời gian qua tại SGDCKTPHCM.**

Ngày 28/07/2000, TTCK tập trung chính thức đi vào giao dịch tại SGDCKTPHCM. Hàng hoá được giao dịch gồm hai cổ phiếu là Công ty CP Cấp và Vật liệu Viễn thông(SAM) và Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (REE) với số lượng cổ phiếu được giao dịch lần lượt là 12 triệu và 15 triệu cổ phiếu. Trong năm 2000, giá cổ phiếu liên tục tăng qua các phiên, chỉ số Vn-Index ban đầu ở mức 100 điểm đã tăng lên 300 điểm và tiếp tục tăng đến 571,04 điểm vào ngày 25/06/2001. Hoạt động giao dịch trên thị trường thực sự sôi động trong giai đoạn này khi giá của hầu hết các cổ phiếu đều tăng từ 300% đến 850% so với thời điểm mới lên niêm yết. Trước tình hình này, UBCKNN đã thay đổi một số quy định về giao dịch để làm hạ nhiệt cho thị trường. Cụ thể là mở rộng biên độ giao dịch từ +/- 2% đến 7% và điều chỉnh giới hạn trần số cổ phiếu mà một nhà đầu tư có thể mua trong phiên giao dịch.

Giai đoạn từ giữa năm 2001 đến 2005, TTCK Việt Nam diễn biến theo chiều hướng ngược lại hoàn toàn. Thị trường sụt giảm mạnh khiến nhiều nhà đầu tư bị thua lỗ và có xu hướng chuyển sang kinh doanh bất động sản. Đến 7/11/2002 chỉ số Vn-index giảm xuống mức 174,62 điểm và tiếp tục giảm xuống còn 130,9 điểm vào ngày 24/10/2003. Ba cổ phiếu trong số 22 cổ phiếu niêm yết đã giảm xuống dưới mệnh giá. Trước tình hình đó, TTGDCKTPHCM đã áp dụng một số giải pháp kỹ thuật nhằm tăng tính linh hoạt trong giao dịch như giảm lô giao dịch từ 100 cổ phiếu xuống còn 10 cổ phiếu, áp dụng lệnh ATO, tăng số lần khớp lệnh lên 2 lần/phiên và giảm tỷ lệ ký quỹ xuống còn 70%. Bên cạnh đó, chính phủ đã cho phép

nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài từ 20% lên 30% làm cho lượng số lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Sang năm 2004, thị trường tăng có xu hướng tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tăng, giá cổ phiếu tăng trong nhiều phiên khiến hoạt động mua bán diễn ra khá sôi động. Tính thanh khoản của thị trường được nâng lên rõ rệt. Tổng giá trị giao dịch chứng khoán các loại đạt 20.000 tỷ đồng, bình quân đạt 80 tỷ đồng/phiên, tăng 6,6 lần so với năm 2003. Tình hình công bố thông tin của các công ty niêm yết đã được thực hiện nghiêm túc hơn. Sang năm 2005, thị trường trầm lắng và chỉ số Vn-index giao động dưới ngưỡng 300 điểm từ tháng 1 đến tháng 9/2005.

Giai đoạn từ 2006 đến năm 2007: Trước thông tin Thủ tướng chính phủ có quyết định nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài từ 30% lên 49%. Một lần nữa, thông tin này đã tác động mạnh đến tâm lý nhà đầu tư trong nước. Xu hướng mua vào của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đã nhanh chóng đẩy giá các loại cổ phiếu tăng cao. Cuối năm 2006, gần 20 loại cổ phiếu giao dịch có mức giá trên 100.000 đồng/cổ phiếu, 2 loại giao dịch trên 200.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó mã cổ phiếu SJS có mức 534.000 đ/cổ phiếu (giá niêm yết 100.000 đ), mã cổ phiếu FPT có mức 441.000 đ/cổ phiếu (giá niêm yết là 400.000 đ). Chỉ giá cổ phiếu tăng, khối lượng giao dịch cổ phiếu tăng khiến chỉ số Vn-index đạt mức 753,81 điểm tăng 446,31 điểm, tương ứng 145,14% so với cùng kỳ năm 2005. Diễn biến thuận lợi của thị trường đã lôi cuốn nhiều nhà đầu tư mới tham gia vào TTCK. Cuối năm 2006, có 106.393 tài khoản giao dịch tại các công ty chứng khoán. Trong đó có 2.100 tài khoản nhà đầu tư nước ngoài. Số lượng các công ty niêm yết cũng bắt đầu tăng lên đáng kể đặc biệt có sự tham gia của nhiều công ty lớn như Công ty cổ phần Sữa Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín. Cuối năm 2006 đã có 106 công ty tham gia niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM và 2 chứng chỉ quỹ. Nguồn: Lan Hương (2007), “TTCK Việt Nam bùng nổ”. Thời báo kinh tế Việt Nam – Kinh tế 2006-2007 Việt Nam và Thế giới (4, trang 47-50).

Bước sang năm 2007, TTCK Việt Nam tiếp tục khởi sắc, chỉ trong 3 tháng đầu năm, giá trị giao dịch bình quân đạt 1.000 tỷ đồng /ngày. Chỉ số Vn-index vượt ngưỡng 1000 điểm vào ngày 19/1/2007. Lợi nhuận đem lại từ đầu tư chứng khoán quá hấp dẫn khiến hiện tượng mua bán theo nhau đã diễn ra khá nhộn nhịp. Nhiều chuyên gia chứng khoán cho rằng mức kỳ vọng quá cao của nhà đầu tư vào mức sinh lợi của cổ phiếu là nguyên nhân đẩy giá cổ phiếu tăng vọt. Trong năm 2007,



tổng khối lượng chứng khoán giao dịch đạt trên 2,3 tỷ, giá trị giao dịch hơn 244 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần khối lượng giao dịch và 2,8 lần giá trị giao dịch năm 2006. Bình quân đạt 980 tỷ đồng/phiên. Đến đầu tháng 12/2007 thị trường có trên 320.000 tài khoản của nhà đầu tư trong nước và 7.900 tài khoản nhà đầu tư nước ngoài. Nguồn: SGDCK.TPHCM(2008), Báo cáo thường niên năm 2007, (8, từ trang 7 đến trang 8).

Sang năm 2008, sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ đã kéo theo sự suy thoái của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng không tránh khỏi tác động này. Giá nguyên liệu tăng, lãi vay ngân hàng tăng khiến chi phí đầu vào của các doanh nghiệp tăng cao, hoạt động xuất khẩu hàng hoá bị ngưng trệ. Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hầu hết đều sụt giảm mạnh so với năm 2007. Những thông tin bất lợi từ nền kinh tế thế giới và trong nước khiến cho nhà đầu tư lo ngại thị trường chứng khoán sẽ biến động giống như năm 2002. Từ tháng 2/2008, chỉ số Vn-index liên tục giảm, tính thanh khoản của thị trường kém. Hiện tượng nhà đầu tư đua nhau bán cổ phiếu làm giá cổ phiếu liên tục giảm trong nhiều phiên. Ngày 25/3/2008 chỉ số VN-Index tụt khỏi ngưỡng 500 điểm xuống còn 496,64 điểm. Khối lượng đặt bán lên 35 triệu đơn vị trong khi lượng đặt mua chỉ 7 triệu đơn vị. Giá cổ phiếu giảm từ 50-70% so với thời điểm tháng 3/2007. Để hạn chế đà sụt giảm nhanh của thị trường, cũng như trấn an tâm lý cho nhà đầu, ngày 28/3/2008 SGDCKTPHCM đã giảm biên độ giao động giá từ 5% xuống 1%. Nhưng sau đó để tăng tính thanh khoản của thị trường SGDCKTPHCM đã tăng biên độ giao động giá lên 2% ngày 7/04/2008, 3% ngày 16/6/2008, 5% ngày 18/8/2008 và giữ nguyên cho đến nay. Vào thời điểm cuối năm TTCK đã có những phiên tăng điểm nhẹ nhờ một số thông tin tích cực từ chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước như giải pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khó khăn. Phiên cuối năm 2008, chỉ số Vn-index dừng ở mức 315,62 điểm. Giá trị vốn hoá thị trường ngày 31/12/2008 đạt 170.731 tỷ đồng giảm 48,82% so với ngày 28/12/2007. Trong năm, tổng khối lượng và giá trị giao dịch trong năm đạt 3,3 tỷ chứng khoán và 151 nghìn tỷ đồng, trong đó giao dịch cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn nhất với 87%, tiếp theo là giao dịch trái phiếu 8% và chứng chỉ quỹ 5%. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 14 triệu chứng khoán và 627 tỷ đồng, bằng 64% so với năm 2007. Tổng số tài khoản đạt 531.350, tăng 181.948 tài khoản so với năm 2007. Cơ cấu tài khoản vẫn không có gì thay đổi so với các năm trước, số nhà đầu tư cá nhân trong nước chiếm

đa số, 97%, cá nhân và tổ chức nước ngoài chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn trên 2,2%. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch của khối đầu tư nước ngoài vẫn nắm giữ một tỷ trọng đáng kể trên thị trường. Nguồn SGDCK.TPHCM(2009), Báo cáo thường niên 2008, (9, trang 9).

Cuộc khủng hoảng tài chính tại Mỹ đang diễn ra đã tác động không nhỏ đến tâm lý nhà đầu tư tại Việt Nam, là một trong nguyên nhân làm TTCK Việt Nam giảm sút mạnh.

TTCK tập trung tại TPHCM trong thời gian qua diễn biến khá phức tạp. Có giai đoạn thị trường tăng lên đột ngột, có giai đoạn giảm xuống nhanh gây ra những rủi ro cho nhà đầu tư. Với vai trò là cơ quan điều hành, SGDCKTPHCM đã đưa ra một số giải pháp đem lại hiệu quả trong ngắn hạn. Để hỗ trợ cho TTCK tiếp tục phát triển ổn định trong thời gian tới, đòi hỏi SGDCKTPHCM cần có một chiến lược phát triển lâu dài.

## **2.2. Viễn cảnh và Sứ mạng của SGDCKTPHCM.**

### **- Viễn cảnh:**

- SGDCK.TPHCM trở thành SGDCK hàng đầu ở Việt Nam với hệ thống công nghệ hiện đại, là địa chỉ đầu tư tin cậy cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- SGDCK TPHCM từng bước sánh ngang với các SGDCK trong khu vực về trình độ công nghệ. Quy mô thị trường ngày càng lớn, sẽ có nhiều sản phẩm chứng khoán phái sinh được đưa vào giao dịch.
- Góp phần tạo ra môi trường đầu tư ngày càng thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào TTCK Việt Nam và các công ty nước ngoài sẽ đăng ký niêm yết tại SGDCK.TPHCM.

### **- Sứ mạng :**

- Công tác điều hành đảm bảo các giao dịch chứng khoán diễn ra một cách công bằng, công khai và hiệu quả.

- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Sở theo hướng lấy con người và công nghệ làm nòng cốt. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quá trình vận hành TTCK tập trung.
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp cho thị trường nhiều sản phẩm đa dạng.
- Tăng cường hội nhập với TTCK trong khu vực và trên thế giới.

### **2.3. Phân tích ảnh hưởng của môi trường bên ngoài đến SGDCKTPHCM**

#### **2.3.1. Môi trường vĩ mô:**

##### **2.3.1.1. Yếu tố chính phủ, luật pháp và chính trị**

- Chính sách của nhà nước về phát triển thị trường chứng khoán.

Kể từ khi TTCK mới ra đời và đi vào hoạt động, Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách quan trọng định hướng cho TTCK phát triển bền vững. Thủ tướng Chính phủ đã phê chuẩn chiến lược phát triển TTCK đến năm 2010 thông qua quyết định số 163/2003/QĐ-TTg và gần đây là đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Theo đó TTCK cần phải phát triển cả về quy mô và chất lượng nhằm tạo ra một kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển, phát triển thị trường tài chính Việt Nam, duy trì trật tự an toàn, mở rộng phạm vi, tăng cường hiệu quả quản lý, giám thị trường nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập thị trường tài chính quốc tế. Đến năm 2010 giá trị vốn hoá thị trường đạt 50% GDP và đến năm 2020 đạt 70% GDP. Những chính sách định hướng phát triển TTCK của Chính phủ là cơ sở để các cơ quan quản lý và điều hành TTCK xây dựng chiến lược, mục tiêu cụ thể nhằm đạt được những mục tiêu chung.

- Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho TTCK:

TTCK là thị trường bậc cao trong thị trường vốn, nó đòi hỏi phải có một khung pháp lý chặt chẽ nhằm đảm bảo tính an toàn, công khai, minh bạch cho các thành viên tham gia hoạt động giao dịch trên TTCK, đồng thời đủ mạnh để chế tài những vi phạm xảy ra. Trước năm 2007, hoạt động của TTCK điều chỉnh bởi các văn bản dưới hình thức các nghị định và văn bản hướng dẫn như nghị định 144/2003/NĐ-CP về chứng khoán và TTCK, nghị định 161/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực chứng khoán... Những văn bản ban đầu này còn nhiều chỗ hướng dẫn chưa cụ thể và thiếu chặt chẽ, các biện pháp chế tài đối với những vi phạm chủ yếu nhắc nhở và mức phạt hành chính nên chưa đủ sức răn đe. Đây cũng là giai đoạn xảy ra nhiều vi phạm về công bố thông tin trong giao dịch của cổ đông nội bộ, cũng như che giấu thông tin hoặc công bố thông tin không trung thực của một số công ty niêm yết như công ty Bibica đã thiếu trung thực khi báo cáo kết quả kinh doanh năm 2002. Báo cáo lời, nhưng thực ra bị lỗ. Tương tự, Công ty CP Đồ hộp Hạ Long đã không công bố thông tin kịp thời khi công an phát hiện ra việc gian lận thuế giá trị gia tăng tại công ty. Bên cạnh đó sự phát triển của TTCK cả về quy mô và chất lượng hàng hoá niêm yết đã đòi hỏi phải có luật riêng điều chỉnh hoạt động TTCK. Năm 2007, luật chứng khoán ra đời là cơ sở pháp lý quan trọng cho TTCK Việt Nam hoạt động. Nhiều nghị định, thông tư hướng dẫn ban hành như thông tư 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 quy định nghĩa vụ công bố thông tin của thành viên trên thị trường, hay quyết định 36/NĐ... về xử lý những vi phạm trên TTCK. Trên cơ sở khung pháp lý này, SGDCKTPHCM, UBCKNN đã chủ động trong công tác quản lý, điều hành thị trường. Về cơ bản thị trường đã từng bước hoạt động có nguyên tắc hơn và lành mạnh hơn. Các công ty niêm yết ý thức được vai trò và trách nhiệm minh bạch hoá thông tin khi niêm yết cổ phiếu trên TTCK. Đây là một trong những động lực thúc đẩy số lượng các công ty niêm yết tăng mạnh trong năm 2007, đồng thời số lượng các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước tham gia mạnh mẽ hơn vào TTCK Việt Nam. Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý cho TTCK phải diễn ra liên tục, gắn với điều kiện thực tế và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội- đất nước, với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

SGDCKTPHCM điều hành TTCK tập trung phải căn cứ trên những quy định của luật chứng khoán và những luật liên quan. Nếu những quy định trong luật và văn bản hướng dẫn thực hiện càng rõ ràng, cụ thể sẽ tạo điều kiện cho SGDCKTPHCM chủ động trong quá trình điều hành thị trường, bản thân các tổ chức niêm yết phải tuân thủ nghiêm các quy định trên TTCK. Nhưng thực tế hiện nay cũng cho thấy, một số quy định trong các thông tư hướng dẫn còn chung chung gây ra nhiều cách hiểu khác nhau làm cho cả đơn vị quản lý và các công ty niêm yết còn lúng túng khi thực hiện Ví dụ trong luật chứng khoán có quy định “*Trường hợp tổ chức cá nhân chào mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến việc sở hữu từ*

25% trở lên số cổ phiếu có đang lưu hành của một công ty đại chúng phải thực hiện chào mua công khai”, tuy nhiên đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể những bước thực hiện, nên có những đối tượng muốn “chào mua công khai” vẫn chưa thực hiện được. Đơn cử trong luật doanh nghiệp 2005 và các văn bản liên quan có quy định về cách thức bầu dồn phiếu nhưng chưa hướng dẫn cụ thể nên các công ty thực hiện không thống nhất; hoặc trong nghị định số 139/2007/NĐ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều trong luật doanh nghiệp năm 2005 chỉ quy định việc xác định người trúng cử vào thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu lấy từ cao xuống thấp nhưng ngay trong luật doanh nghiệp năm 2005 quy định các quyết định của đại hội cổ đông được thông qua khi đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên tức là những người trúng cử vào hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải có đủ từ 65% số phiếu bầu trở lên. Nhưng thực tế tại các đại hội cổ của công ty có những ứng cử viên không đủ tỷ lệ 65% nhưng vẫn có thể trúng cử nếu áp theo nghị định 139; Trong Quyết định 15/2007/QĐ-BTC về việc ban hành điều lệ mẫu áp dụng cho công ty niêm yết cổ phiếu trên SGDCK và TTGDCK có hướng dẫn trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhưng chưa nêu rõ tỷ lệ tán thành được xác định căn cứ vào tổng số phiếu gửi đi hay căn cứ vào tổng số phiếu nhận về hợp lệ, sau đó xác định tỷ lệ biểu quyết thông qua. Do vậy, hiện tại các công ty niêm yết khi gửi phiếu xin ý kiến thường ghi rõ là phiếu không gửi về hoặc không nhận được coi như đồng ý.

Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung luật, nghị định, thông tư hướng dẫn theo hướng rõ ràng và phù hợp với thực tiễn là hoàn toàn cần thiết.

- Các chính sách khuyến khích các công ty cổ phần lên niêm yết.

Hiện nay cổ phiếu của các công ty cổ phần là những hàng hoá chủ yếu trên TTCK Việt Nam. Số lượng các công ty niêm yết cổ phiếu càng nhiều thì quy mô TTCK sẽ tăng lên, hàng hoá đa dạng hơn và thu hút được sự quan tâm của công chúng đầu tư. Xác định được đây là nhiệm vụ trước mắt trong giai đoạn đầu xây dựng TTCK, Bộ tài chính, UBCK nhà nước và SGDCKTPHCM đã có nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích các Công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán:

Từ năm 2004 đến 01/01/2007, Các công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu trên TTGDCK.TPHCM được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong vòng 2 năm kể từ khi thực hiện niêm yết. Số lượng các công ty đăng ký niêm yết

tăng mạnh qua các năm 2005, 2006, 2007 lần lượt là 32, 106, 138 công ty. Hàng hoá nhiều cùng những tín hiệu tích cực của nền kinh tế trong nước và thế giới đã tạo điều kiện cho thị trường bùng phát mạnh trong năm 2006, 2007.

Nhà nước đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích cổ phần hoá kết hợp với niêm yết trên TTCK. Nếu trước đây, việc cổ phần hoá tập trung vào các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, kinh doanh kém hiệu quả, thì trong giai đoạn 2006 đến 2010, nhà nước chú trọng cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn và thực hiện niêm yết trên TTCK như Mobiphone, Vinaphone, 4 ngân hàng quốc doanh... Hiện tại đã có 2 ngân hàng là ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam và ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trên SGDCKTPHCM.

SGDCKTPHCM phối hợp với các công ty chứng khoán hướng dẫn tận tình các công ty về thủ tục đăng ký niêm yết và các vấn đề liên quan đến TTCK. Trên cơ sở luật chứng khoán, SGDCKTPHCM đã xây dựng những quy chế về công bố thông tin và quy chế niêm yết nhằm hướng dẫn niêm yết cụ thể hơn, sát với yêu cầu thực tiễn.

UBCKNN thực hiện phân quyền quản lý và xét duyệt hồ sơ niêm yết lần đầu và niêm yết bổ sung cho SGDCKTPHCM và TTGDCKHN nên đã đẩy nhanh tiến độ thẩm định và cấp phép niêm yết cho các công ty.

Chính sách khuyến khích các công ty lên niêm yết đã góp phần gia tăng hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Qua đó, công tác điều hành thị trường cũng phải điều chỉnh theo hướng hiệu quả hơn, rõ ràng hơn.

#### - Tình hình chính trị

Trong bối cảnh tình hình chính trị của một số nước trong khu vực và trên thế giới gặp bất ổn thì sự ổn định về chính trị của Việt Nam luôn được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Đây là một trong tiêu chí quan trọng giúp nhà đầu tư yên tâm khi đầu tư vào Việt Nam, và SGDCKTPHCM có điều kiện phát huy được mọi nguồn lực, mở ra những cơ hội hợp tác với các SGDCK nước ngoài.

### **2.3.1.2. Yếu tố kinh tế**

- Những biến động của nền kinh tế trong thời gian vừa qua.

Nếu năm 2006, 2007 TTCK Việt Nam gặp nhiều thuận lợi do những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế trong nước và thế giới thì bước vào những tháng cuối năm 2007 cho đến nay TTCK liên tục giảm điểm, chỉ số Vn-in dex giảm 80% so với thời điểm cao nhất năm 2007. Suy thoái kinh tế bắt nguồn từ Mỹ đang diễn ra đã gây hiệu ứng dây chuyền ảnh hưởng đến hầu hết các nền kinh tế trên thế giới. Hệ quả tác động này đã ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình kinh doanh của các công ty đang niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM, đồng thời tác động đến tâm lý của các nhà đầu tư.

Lãi suất cho vay của ngân hàng trong nước tăng, giá dầu thô tăng cao làm tăng chi phí đầu vào của các công ty và giá thành sản phẩm tăng lên, sức cạnh tranh suy giảm, nên hầu hết các doanh nghiệp cắt giảm sản lượng sản xuất hoặc thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Thị trường xuất khẩu bị thu hẹp do sức tiêu thụ tại thị trường xuất khẩu bị suy giảm mạnh, mà EU và Mỹ là hai thị trường xuất khẩu lớn của các doanh nghiệp Việt Nam.

Những nguyên nhân này làm đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của các công ty nói chung, cũng như các công ty đang niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM. Một số các công ty xếp vào nhóm bluechips đã bị thua lỗ trong năm 2008 do nhiều nguyên nhân khác nhau như phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính, trích lập dự phòng hàng tồn kho và lỗ do hoạt động kinh doanh gây ra.

Suy thoái của nền kinh tế kéo theo hầu hết các chỉ tiêu của nền kinh tế bị giảm sút (GDP) năm 2007, 2008 lần lượt là tăng 8,4% và 6,23% so với năm liền trước. Giá tiêu dùng tăng cao nhưng diễn biến khác phức tạp, khác thường so với xu hướng giá tiêu dùng các năm trước. Giá tăng cao ở các quý I, II, III nhưng các tháng quý IV liên tục giảm. Chỉ số tiêu dùng bình quân năm 2008 tăng 22,97%.

Diễn biến kinh tế trong nước diễn ra cũng rất phức tạp, nếu năm 2007 Chính phủ phải tập trung đưa ra giải pháp để chống lạm phát thông qua chính sách thắt chặt tiền tệ như dẫn đầu tư công, thắt chặt chi tiêu ngân sách, áp dụng các biện pháp tác động vào tỷ giá và lãi suất cơ bản thì giữa năm 2008 xu hướng giảm phát xuất hiện buộc Chính phủ phải áp dụng chính sách kích cầu tiêu dùng. Những chính sách này đã bắt đầu đem lại những tín hiệu tích cực cho nền kinh tế.

Những thông tin bất lợi từ nền kinh tế thế giới, cùng thực trạng kinh doanh giảm sút của các doanh nghiệp trong nước khiến nhà đầu tư chứng khoán không yên

tâm nắm giữ cổ phiếu và đã bán ra liên tục trong thời gian qua làm chỉ số Vn-Index giảm xuống.

- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vẫn luôn là nguồn vốn quan trọng cho phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển. Qua các năm nguồn vốn này vẫn tăng mạnh, điều này cho thấy môi trường đầu tư của Việt Nam đang ngày càng trở nên thông thoáng hơn để thu hút nguồn vốn này. Trong năm 2008 cả nước thu hút được 64 tỷ USD vốn đăng ký, gấp gần 3 lần năm 2007, đạt mức cao nhất từ trước tới nay. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2008 đạt 11,5 tỷ USD, tăng 43,2% so với năm 2007. Những lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.

Nguồn: Chính phủ(2008), Tình hình kinh tế xã hội năm 2008,

[http://www.chinhphu.vn/portal/page?\\_pageid=33,5913832&\\_dad=portal&\\_schema=PORTAL&item\\_id=16333138&thth\\_details=1](http://www.chinhphu.vn/portal/page?_pageid=33,5913832&_dad=portal&_schema=PORTAL&item_id=16333138&thth_details=1). (1)

Mặc dù năm 2008, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng kết quả khả quan từ thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn là nơi thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài và nền kinh tế sẽ sớm phục hồi.

Nguồn đầu tư gián tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam thông qua thị trường chứng khoán ngày càng tăng. Số lượng tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài tăng qua các năm. Giá trị giao dịch của khối các nhà đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng giao dịch toàn thị trường. Năm 2006, nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu với tổng giá trị 9.004,92 tỷ đồng, chiếm 26% tổng giá trị giao dịch cổ phiếu toàn thị trường, năm 2007 là 24% và năm 2008 là 20,3%. Nguồn vốn của nhà đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng, một mặt giúp tăng tính thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường. Mặt khác, nó tác động đến tâm lý nhà đầu tư trong nước. Thông qua TTCK, nguồn vốn đầu tư gián tiếp bộc lộ đặc điểm là nguồn vốn đưa vào Việt Nam rất nhanh, nhưng cũng rút ra khỏi thị trường cũng rất nhanh.

Những biến động thuộc yếu tố kinh tế ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của SGDCCKTPHCM. Thông thường khi điều kiện kinh tế trong nước gặp nhiều thuận lợi, tình hình kinh doanh của công ty có hiệu quả sẽ là động lực để công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu. Mặt khác, những thông tin kinh tế đều được phản ánh rất nhạy thông qua diễn biến hàng ngày của TTCK, ảnh hưởng trực tiếp đến khối



lượng giao dịch và giá trị giao dịch của cổ phiếu trên thị trường. Qua đó ảnh hưởng đến nguồn thu của SGDCKTPHCM.

### **2.3.1.3. Yếu tố xã hội:**

TTCK Việt Nam ngày càng trở nên quen thuộc với người dân. Đây không chỉ đơn thuần là kênh huy động nguồn vốn cho nền kinh tế, mà còn là một sân chơi trí tuệ cho người tham gia. Phần thưởng cho các nhà đầu tư giỏi chính là những khoản lợi nhuận vô cùng hấp dẫn. Nhưng TTCK cũng là nơi tiềm ẩn những rủi ro, chỉ một quyết định đầu tư sai lầm cũng có thể dẫn đến thua lỗ, thậm chí rơi vào tình trạng nợ nần. Chính sự mới mẻ của loại hình đầu tư, một chút mạo hiểm trong quyết định, kiến thức phong phú, kinh nghiệm của bản thân và cả sự may rủi đã thu hút được người dân tham gia đầu tư chứng khoán. Tính đến hết tháng 12/2008 có 531.350 tài khoản được mở tại các công ty chứng khoán tăng 181.948 tài khoản so với năm 2007. Trong đó, số lượng nhà đầu tư cá nhân trong nước chiếm đa số, 97%, cá nhân và tổ chức nước ngoài chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn trên 2%.

TTCK phản ứng rất nhanh trước những biến động của môi trường vĩ mô. Vì vậy, dự đoán được những thay đổi sẽ giúp cho SGDCK có biện pháp điều chỉnh linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành TTCK. Mặt khác, nhu cầu nhà đầu tư tham gia TTCK càng nhiều sẽ là một trong những động lực buộc SGDCKTPHCM phải có nhiều biện pháp tăng cường tính công khai minh bạch trên TTCK để đảm bảo quyền lợi công bằng cho các nhà đầu tư, đồng thời phối hợp với các công ty chứng khoán phát triển hệ thống giao dịch và các dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư khi tham đầu tư.

## **2.3.2. Môi trường vĩ mô**

### **2.3.2.1. Tác động của thị trường vàng, thị trường bất động sản đến TTCK.**

Thị trường bất động sản, thị trường vàng là những thị trường đầu tư truyền thống của các nhà đầu tư. Trong những năm trước đây nguồn vốn trong dân cư tập trung khá nhiều vào hai thị trường này. TTCK ra đời, mở ra thêm một kênh đầu tư mới cho các nhà đầu tư. Theo lẽ đương nhiên, nguồn vốn của nhà đầu tư sẽ lưu thông từ nơi có khả năng sinh lời thấp đến nơi có khả năng sinh lời cao hơn. Các thị trường này vừa hỗ trợ vừa cạnh tranh lẫn nhau. Nếu trong năm 2006, 2007 là giai

đoạn TTCK bùng phát trong khi thị trường vàng biến động phức tạp và thị trường bất động sản bị đóng băng, thì phần lớn các nhà đầu tư đổ tiền vào TTCK. Mặt khác, Các cơ quan quản lý giám sát TTCK với tiêu chí chặt chẽ, thống nhất và minh bạch các nguồn thông tin, đã tạo thêm niềm tin cho các nhà đầu tư. Đây là ưu điểm lớn của TTCK so với thị trường vàng và thị trường bất động sản hiện nay.

Vì vậy, với vai trò là cơ quan điều hành TTCK, SGDCKTPHCM cần phải xây dựng các quy trình, quy chế cụ thể nhằm tăng cường công tác giám sát, cung cấp thông tin từ SGDCKTPHCM, từ các công ty niêm yết nhanh chóng ra thị trường, đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm trên TTCK.

### **2.3.2.2. Các công ty tham gia niêm yết trên sàn SGDCKTPHCM**

Cổ phiếu, trái phiếu của các công ty niêm yết là những hàng hoá được giao dịch trên TTCK. Số lượng các công ty tham gia niêm yết càng nhiều càng làm cho TTCK trở nên đa dạng và phong phú hơn. Đây cũng là tiêu chí xác định quy mô và uy tín của Sở giao dịch chứng khoán. Nguồn cung hàng hoá cho SGDCK bắt nguồn từ những công ty cổ phần đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu trên SGDCK, từ các đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng. Những công ty cổ phần này có nguồn gốc từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, từ công ty cổ phần tư nhân, chuyển đổi doanh nghiệp 100% nước ngoài sang hình thức công ty cổ phần.

Với chủ trương của nhà nước đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước gắn với niêm yết trên TTCK mà đi đầu là các ngân hàng, các tổng công ty lớn của nhà nước là nguồn cung đáng kể cho thị trường chứng khoán nói chung và SGDCKTPHCM nói riêng. Hết năm 2008, cả nước đã sắp xếp được 5.414 doanh nghiệp trong tổng số 6.200 doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, cổ phần hoá 3.836 doanh nghiệp. Đây sẽ là nguồn cung tiềm năng cho TTCK.

Huy động vốn qua thị trường chứng khoán bằng phát hành bổ sung cổ phiếu là hình thức công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng với mục tiêu thu hút nguồn tiền mặt về phục vụ cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, đồng thời làm tăng quy mô vốn của công ty. Số lượng cổ phiếu sau phát hành được niêm yết trên TTCK sẽ làm tăng khối lượng cổ phiếu đó trên thị trường chứng khoán, qua đó tạo điều kiện cho hoạt giao dịch cổ phiếu sôi động hơn và tăng tính thanh khoản của cổ phiếu. Năm 2007 lượng các công ty phát hành thêm cổ phiếu nở rộ nhằm tranh thủ sự bùng

phát mạnh mẽ của TTCK. Tổng cộng có 104 đợt niêm yết bổ sung, giá trị niêm yết bổ sung tăng gấp 7 lần so với năm 2006. Nhờ khối lượng cổ phiếu ra tăng đã làm giảm áp lực thiếu cung hàng trên thị trường và hạn chế bớt hiện tượng tranh mua tranh bán đẩy giá tăng lên một cách bất hợp lý. Phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn chỉ thực sự có ý nghĩa khi công ty có kế hoạch sử dụng nguồn vốn huy động được một cách có hiệu quả đem lại lợi ích cho cổ đông.

Bên cạnh yêu cầu gia tăng số lượng công ty niêm yết trên SGDCK, thì chất lượng và mức độ minh bạch của các công ty cũng là một trong những yếu tố quyết định giữ chân các nhà đầu tư ở lại với TTCK.

TTCK là thị trường của niềm tin, vì vậy nguyên tắc công khai minh bạch những thông tin về công ty là quyền lợi cũng như trách nhiệm của mỗi công ty niêm yết trên TTCK. Do tính chất quan trọng của thông tin được công bố mà trong luật chứng khoán có quy định những nhóm thông tin phải công bố trong vòng 24h như việc doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động kinh doanh chính, thông qua quyết định đại hội cổ đông ..., 72h như nghị quyết của hội đồng quản trị về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm..., công bố định kỳ là các báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm, tình hình quản trị công ty. Những thông tin này là cơ sở để nhà đầu tư ra quyết định đầu tư. Trên thực tế, không ít công ty trong giai đoạn đầu lên niêm yết vẫn còn tâm lý e ngại khi công bố thông tin hoặc chỉ công bố những thông tin tốt. Những động thái này làm nhà đầu tư hoang mang mất lòng tin ở công ty niêm yết, gây ảnh hưởng xấu đến TTCK. Trong năm 2008, do những khó khăn của nền kinh tế trong nước và trên thế giới nên không ít công ty làm ăn thua lỗ như REE, SAM...nhưng những công ty này đã công bố minh bạch nhưng khoản thua lỗ và nguyên nhân gây ra, đồng thời có hướng khắc phục. Vì vậy những cổ phiếu này vẫn nhận được sự tin tưởng của các nhà đầu tư.

### **2.3.2.3 Các công ty chứng khoán.**

Các công ty chứng khoán là bộ phận không thể thiếu trong kết cấu TTCK, đây chính là cầu nối trung gian để các nhà đầu tư mua bán được cổ phiếu niêm yết trên SGDCK. Số lượng các công ty chứng khoán nhiều hay ít, chất lượng phục vụ tốt hay xấu cũng ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn của nhà đầu tư vào TTCK. Qua đó tác động đến nguồn thu và uy tín của SGDCK.

Các công ty chứng khoán thực hiện các nghiệp vụ môi giới, tư vấn, bảo lãnh phát hành cho khách hàng là các nhà đầu tư, các công ty niêm yết trong và ngoài nước. Phần lớn các công ty lên niêm yết trên SGDCK đều do các công ty chứng khoán trực tiếp tư vấn từ khâu soạn thảo hồ sơ đến khi cổ phiếu được niêm yết trên SGDCK. Vì vậy, có thể xem công ty chứng khoán đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn cung ứng hàng hoá cho SGDCK. Mặt khác, nhà đầu tư thực hiện hoạt giao dịch thông qua các công ty chứng khoán như mở tài khoản, đặt lệnh giao dịch, lưu ký, thanh toán. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư sẽ được chuyển vào máy chủ của SGDCK để thực hiện so khớp theo nguyên tắc đấu giá tự động thông qua hệ thống máy tính kết nối giữa SGDCK với các công ty chứng khoán thành viên. Kết quả giao dịch cũng được hệ thống tự động so khớp xác định giá mua giá bán, khối lượng chứng khoán chuyển nhượng, thanh toán thông qua hệ thống lưu ký. Vì vậy để thu hút được nhiều nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch, các công ty chứng khoán cần nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn, môi giới, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, mở rộng mạng lưới giao dịch và tăng cường hoạt động phổ biến kiến thức về thị trường chứng khoán. Những hoạt động này không những góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh giữa công ty chứng khoán về dịch vụ chăm sóc khách hàng mà còn tạo môi trường lành mạnh thu hút nhà đầu tư đến với TTCK. Tính đến hết năm 2008 đã có 91 Công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên của SGDCKTPHCM.

Số lượng các công ty chứng khoán gia tăng sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh lẫn nhau, qua đó sẽ cung cấp cho nhà đầu tư nhiều dịch vụ tốt nhất. Tuy nhiên, năm 2008, trước sự ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão tài chính toàn cầu và sự sụt giảm mạnh của TTCK, các công ty chứng khoán cũng bị tác động mạnh. Tự doanh thua lỗ, hoạt động môi giới bị thu hẹp, hoạt động tư vấn cầm chừng. Chỉ có 25 công ty báo cáo có lợi nhuận. Mức thua lỗ bình quân của các công ty chứng khoán 14,2 tỷ đồng. Vì vậy một vấn đề đặt ra là SGDCKTPHCM cần phải tăng cường công tác quản lý việc tuân thủ thành viên, đặc biệt là chế độ kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

#### **2.3.2.4. Nhà đầu tư.**

Sự tham gia đông đảo của nhà đầu tư vào TTCK là động lực giúp TTCK phát triển nói chung và SGDCK nói riêng.

Nhà đầu tư là cổ đông của các công ty niêm yết, bên cạnh việc đầu tư cổ phiếu để tìm kiếm lợi nhuận, họ có quyền đóng góp ý kiến của mình vào những quyết định kinh doanh của công ty, bầu hội đồng quản trị, ban kiểm soát thay mặt cổ động để điều hành, giám sát hoạt động của công ty. Do đó góp phần nâng cao chất lượng cổ phiếu niêm yết trên SGDCK.

TTCK Việt Nam mới đi vào hoạt động, nên hệ thống pháp lý liên tục phải điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với xu thế phát triển. Nhà đầu tư là một trong những đối tượng chịu sự điều chỉnh của luật chứng khoán. Vì vậy, sự đóng góp ý kiến của nhà đầu tư đối với những văn bản, các quy chế hoạt động của các cơ quan quản lý nói chung và của SGDCK nói riêng là hoàn toàn cần thiết để đưa TTCK nhanh chóng đi vào cuộc sống của người dân.

Tham gia vào TTCK đòi hỏi nhà đầu tư phải trang bị cho bản thân những kiến thức nhất định đặc biệt là các nhà đầu tư nhỏ lẻ. Sự hiểu biết về pháp luật không những giúp cho nhà đầu tư tránh những vi phạm trong quá trình giao dịch như việc công bố thông tin của cổ đông nội bộ, hành vi nhằm thao túng thị trường gây mất ổn định thị trường và gây thiệt hại cho nhà đầu tư khác. Trong những năm qua vi phạm nổi bật trên TTCK Việt Nam là vi phạm không công bố thông tin của cổ đông nội bộ tại công ty niêm yết. Năm 2005, SGDCKTPHCM đã phát hiện ra 8 trường hợp vi phạm, năm 2007 là 39 trường hợp vi phạm. Sự thiếu minh bạch trong công bố thông tin là một trong những nguyên nhân khiến nhà đầu tư không đủ thông tin khi ra quyết định đầu tư và hiện tượng mua bán theo nhau của các nhà đầu tư xảy ra khiến TTCK phát triển thiếu bền vững.

#### **2.3.2.5. Các tổ chức thông tin đại chúng.**

Các tổ chức thông tin đại chúng là cầu nối chuyên tải những thông tin về SGDCK, TTCK đến với người dân. Hiện tại hầu hết các báo viết về lĩnh vực kinh tế đều có chuyên mục chứng khoán, các đài truyền hình có chương trình riêng về lĩnh vực chứng khoán nhằm phổ biến kiến thức về TTCK cho người dân và cung cấp những thông tin diễn biến hàng ngày trên TTCK. Sự phát triển mạnh mẽ mạng lưới các kênh thông tin là cầu nối thu hút không chỉ người dân trong nước mà những nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và tổ chức đến với TTCK Việt Nam. SGDCK đã ký kết nhiều hợp đồng cung cấp sản phẩm dữ liệu thông tin cho các hãng tin nước ngoài lớn là Bloomberg, Reuter.

Những yếu tố thuộc môi trường vĩ mô ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự phát triển của SGDCKTPHCM. Các công ty lên niêm ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, với nhiều loại hình sản xuất kinh doanh khác nhau, số lượng nhà đầu tư tăng bao gồm cả nhà đầu tư nhỏ và các nhà đầu tư chuyên nghiệp, các công ty chứng khoán hoạt động ngày càng nề nếp và chuyên nghiệp, tất cả những điều này khẳng định uy tín nhất định của SGDCK.TPCHM trong công tác điều hành TTCK tập trung. Để tiếp tục duy trì được những lợi thế này, đòi hỏi SGDCKTPHCM phải chú trọng xây dựng nguồn lực nội tại cả về nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chế kỹ thuật ...nhằm đáp ứng kịp cho sự phát triển của thị trường.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, SGDCKTPHCM luôn chịu sự tác động từ các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô và vi mô. Trên cơ sở phân tích những tác động của các yếu tố này, SGDCKTPHCM sẽ có những đánh giá để thấy được những cơ hội và thách thức trong thời gian tới.

### **2.3.3. Nhận định những cơ hội và thách thức đối với SGDCK TPCHM**

#### **2.3.3.1. Những cơ hội**

- TTCK Việt Nam còn non trẻ và có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh. Hiện chính phủ đang tạo mọi điều kiện để TTCK phát triển bền vững ổn định.
- Khủng hoảng kinh tế làm TTCK các nước suy thoái và phát triển chậm lại, đây cũng là là cơ hội để TTCK Việt Nam phát triển theo kịp các nước, trước hết là các nước trong khu vực.
- Tiến trình cổ phần hoá đang trong giai đoạn triển khai và còn tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới là nguồn cung hàng hoá hấp dẫn cho SGDCK với các công ty lớn, đầu ngành, hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và triển vọng.
- Bên cạnh khu vực doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá, khối các công ty cổ phần tư nhân cũng đang hoạt động khá hiệu quả, nhu cầu huy động vốn để mở rộng phạm vi kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng lớn, là cơ hội để các thành phần này tham gia thị trường chứng khoán với tư cách là các tổ chức phát hành và niêm yết chứng khoán trên SGDCK.

- Việc ký biên bản ghi nhớ (MOU) giữa SGDCK TP.HCM với các SGDCK trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường, các công ty nước ngoài tham gia niêm yết trên SGDCKTPHCM và ngược lại, mở đường cho các doanh nghiệp Việt Nam tiến ra thế giới.
- Gia tăng nguồn thu cho SGDCKTPHCM từ hoạt động thu phí giao dịch, thu phí các công ty niêm yết, bán các sản phẩm dữ liệu thông tin cho các kênh thông tin nước ngoài.

### **2.3.3.2. Thách thức.**

- Nhà đầu tư đa dạng hoá các kênh đầu tư. Mạng lưới sàn giao dịch vàng của các ngân hàng đang mở rộng nhằm thu hút nguồn vốn của nhà đầu tư vào lĩnh vực này.
- Suy thoái của nền kinh tế thế giới tác động xấu đến TTCK các nước nói chung và Việt Nam nói riêng làm dòng tiền đổ vào TTCK đang giảm mạnh.
- Khung pháp luật chứng khoán đã hình thành nhưng chưa hoàn thiện và đồng bộ làm các công ty niêm yết lúng túng khi thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi trên TTCK. Bên cạnh đó, sự thiếu hiểu biết những quy định liên quan tới luật chứng khoán của nhà đầu tư, nhất là những nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường nên đã nảy sinh những vi phạm.
- Các cơ quan quản lý thị trường nói chung và SGDCKTPHCM nói riêng còn thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý, giám sát thị trường nên vẫn còn lúng túng trong việc phát hiện, xử lý vi phạm trên TTCK, hoặc xử lý vụ việc chậm. Hình thức xử lý các vi phạm còn nhẹ mới dừng ở mức cảnh cáo và phạt hành chính bằng tiền ở mức thấp.
- Quy mô TTCK trong những năm gần đây ngày càng lớn mạnh cả về chất lượng là một thách thức lớn đối với cơ chế quản lý và điều hành của SGDCK.
- Các công ty có quy mô vốn, mô hình tổ chức, lĩnh vực kinh doanh khác nhau.
- Trước sự biến động của TTCK đòi hỏi SGDCK phải đưa sản phẩm chứng khoán phái sinh vào giao dịch. Đây được xem như là công cụ giúp cho nhà

đầu tư quản lý rủi ro hữu hiệu trên TTCK, đồng thời khuyến khích nhà đầu tư tham gia vào TTCK. CKPS giúp nhà đầu tư có thể sử dụng một số tiền nhỏ để thực hiện một khoản đầu tư có giá trị lớn hơn rất nhiều.

- Cạnh tranh với các SGDCK khác trong khu vực. Nhiều tổ chức tư vấn nước ngoài đã tổ chức các buổi hội thảo tại Việt Nam nhằm giới thiệu và mời chào các công ty trong nước tham gia niêm yết tại các SGDCK nước ngoài. Hiện tại, đã có hai công ty đang niêm yết tại SGDCKTPHCM là Công ty CP Sữa Vinamilk và Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo đã có kế hoạch niêm yết tại SGDCK Singapore. Trong tương lai, số lượng công ty trong nước đăng ký niêm yết tại SGDCK nước ngoài sẽ tăng lên nhằm mở rộng cơ hội kinh doanh và thu hút được nguồn vốn lớn từ nhà đầu tư nước ngoài.

#### ➤ Ma trận các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến SGDCKTPHCM

Bảng 2.1. Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài của đơn vị

| STT | Các yếu tố bên ngoài                                  | Mức độ quan trọng của yếu tố | Phân loại | Số điểm quan trọng |
|-----|---|------------------------------|-----------|--------------------|
| 1   | Chính sách của nhà nước về phát triển TTCK.           | 0,11                         | 4         | 0,44               |
| 2   | Hệ thống pháp lý về TTCK                              | 0,12                         | 3         | 0,36               |
| 3   | Môi trường chính trị xã hội .                         | 0,11                         | 4         | 0,44               |
| 4   | Sự suy thoái của nền kinh tế                          | 0,10                         | 3         | 0,30               |
| 5   | Nguồn vốn đầu tư nước ngoài.                          | 0,09                         | 3         | 0,27               |
| 6   | Sự am hiểu của nhà đầu tư về TTCK                     | 0,10                         | 2         | 0,20               |
| 7   | Quy mô các nhà đầu tư tham gia TTCK                   | 0,10                         | 2         | 0,20               |
| 8   | Số lượng công ty niêm yết chứng khoán trên SGDCKTPHCM | 0,10                         | 3         | 0,30               |
| 9   | Tác động của thị trường đầu tư khác đến TTCK          | 0,08                         | 1         | 0,08               |
| 10  | Các kênh thông tin                                    | 0,10                         | 3         | 0,30               |
|     |   |                              |           | 2,89               |

Nguồn: Tác giả tự tính

Trên cơ sở khảo sát, trao đổi với một số cán bộ, chuyên viên tại SGDCKTPHCM, TTGDCKHN và một số chuyên gia trong lĩnh vực chứng khoán,



đồng thời kết hợp với kinh nghiệm bản thân, tác giả đã xây dựng lên ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài.

Để xác định mức độ quan trọng của yếu tố, tác giả đã tiến hành điều tra, lấy ý kiến chuyên gia dựa trên thang đo 4 điểm với mức độ ảnh hưởng ít nhất là 1 và nhiều nhất là 4, sau đó tính tổng cộng điểm trung bình. Để từ đó tính ra mức độ quan trọng của từng yếu tố bên ngoài đối với cơ quan điều hành TTCK.

Mức phân loại được tác giả xác định dựa trên việc phân tích đánh giá thông qua kinh nghiệm bản thân và trao đổi với các cán bộ của SGDCKTPHCM với các mức độ ảnh hưởng đến SGDCKTPHCM.

Số điểm quan trọng tổng cộng là 2,89 (so với mức trung bình là 2,5) cho thấy khả năng phản ứng của SGDCKTPHCM trước mỗi đe dọa và các cơ hội từ bên ngoài khá tốt. Tuy nhiên, những khó khăn trong công tác quản lý mà SGDCKTPHCM đang gặp phải là hệ thống pháp lý về TTCK chưa đầy đủ nên khi giải quyết một số vụ việc vẫn phải có hướng dẫn của UBCK.NN, Bộ tài chính nên thời gian giải quyết bị kéo dài. Sự am hiểu của nhà đầu tư về các quy định trên TTCK còn hạn chế nên vẫn dẫn đến những sai phạm trên TTCK.

## **2.4. Phân tích môi trường nội bộ của SGDCKTPHCM.**

### **2.4.1. Chứng khoán đang niêm yết trên SGDCKTPHCM:**

Chứng khoán đang niêm yết trên SGDCKTPHCM bao gồm Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ. Trong đó khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch của cổ phiếu qua các phiên giao dịch luôn chiếm tỷ lệ lớn nhất so với tổng khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch toàn thị trường. Mặt khác, số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết trên SGDCKTPHCM đang tiếp tục tăng lên qua các năm.

Bảng 2.2. Số lượng chứng khoán niêm yết từ 2000 đến 2008

| STT | Năm                                | 2000       | 2001       | 2002        | 2.003       |  |
|-----|------------------------------------|------------|------------|-------------|-------------|--|
| 1   | Số lượng chứng khoán niêm yết      | 9          | 29         | 61          | 125         |  |
|     | - Số lượng cổ phiếu                | 5          | 11         | 20          | 22          |  |
|     | - Chứng chỉ quỹ                    | 0          | 0          | 0           | 0           |  |
|     | - Trái phiếu                       | 4          | 18         | 41          | 103         |  |
| 2   | Khối lượng chứng khoán niêm yết    | 43.948.500 | 78.905.080 | 142.676.680 | 231.044.480 |  |
|     | - Trong đó khối lượng cổ phiếu     | 32.117.800 | 50.011.700 | 99.963.300  | 112.001.100 |  |
| 3   | Giá trị vốn hoá cổ phiếu (tỷ đồng) | 986        | 1.570      | 2.436       | 2.370       |  |
| 4   | Tổng sản phẩm GDP 2007 (tỷ đồng)   | 444.139    | 481.295    | 536.098     | 605.491     |  |
| 5   | Vốn hoá cổ phiếu/GDP(%)            | 0,22%      | 0,33%      | 0,45%       | 0,39%       |  |

| STT | Năm                                | 2004        | 2005        | 2006          | 2007          | 2008          |
|-----|------------------------------------|-------------|-------------|---------------|---------------|---------------|
| 1   | Số lượng chứng khoán niêm yết      | 234         | 356         | 475           | 507           | 242           |
|     | - Số lượng cổ phiếu                | 26          | 32          | 106           | 138           | 170           |
|     | - Chứng chỉ quỹ                    | 1           | 1           | 2             | 3             | 4             |
|     | - Trái phiếu                       | 207         | 323         | 367           | 366           | 68            |
| 2   | Khối lượng chứng khoán niêm yết    | 402.115.980 | 616.644.180 | 2.009.459.860 | 4.564.732.745 | 6.146.633.167 |
|     | - Trong đó khối lượng cổ phiếu     | 133.586.300 | 191.750.100 | 1.406.149.600 | 3.804.968.900 | 5.739.530.842 |
| 3   | Giá trị vốn hoá cổ phiếu (tỷ đồng) | 4.237       | 7.390       | 147.967       | 364.425       | 169.346       |
| 4   | Tổng sản phẩm GDP (tỷ đồng)        | 713.072     | 837.858     | 974.266       | 1.144.015     | 1.215.287     |
| 5   | Vốn hoá cổ phiếu/GDP(%)            | 0,59%       | 0,88%       | 15,19%        | 31,85%        | 13,93         |

Nguồn: SGDCK.TPHCM(2009), Báo cáo thường niên năm 2008, (11, trang 27).

#### ➤ Cổ phiếu:

Số lượng hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM tăng liên tục qua các năm kể từ khi đi vào hoạt động. Năm 2006 và năm 2007 đánh dấu sự bùng phát trở lại của TTCK chỉ số VN-index đạt mức kỷ lục 1.170,67 điểm (ngày 12/03/2007) với giá trị giao dịch bình quân hàng ngày lên 980 tỷ đồng tạo ra sự phấn khích cho không chỉ các nhà đầu tư mà tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các công ty phát hành cổ phiếu và tham gia niêm yết trên SGDCKTPHCM. Chính vì vậy, trong 2006 và 2007 số lượng các công ty niêm yết tăng mạnh. Nếu trong năm 2005 có thêm 6 công ty niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM thì năm 2006, 2007 lần lượt là 74 và 32 công ty. Năm 2008, TTCK chịu sự ảnh hưởng nặng nề của cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu, nên SGDCK chỉ thu hút được 32 công ty niêm yết, đưa số lượng công ty lên niêm yết đến hết năm 2008 là 170 Công ty. Tuy nhiên, số lượng công ty có quy mô vốn lớn ngày càng tăng như Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam – vốn điều lệ là 5.000 tỷ đồng, Công ty CP Du lịch Vinpearlland – vốn điều lệ

là 1.000 tỷ đồng, Công ty CP BourBon Tây Ninh – vốn điều lệ là 1.419 tỷ đồng, trong tương lai là ngân hàng CP công thương Việt Nam, ngân hàng CP ngoại thương Việt Nam. Giá trị giao dịch cổ phiếu năm 2007 đạt 200,716 nghìn tỷ đồng chiếm 81% giá trị giao dịch toàn thị trường, năm 2008 là 124,576 nghìn tỷ đồng

Trong năm 2007 cũng là năm bùng nổ các đợt niêm yết bổ sung, tổng cộng có 104 đợt và giá trị niêm yết và giá trị niêm yết bổ sung tăng gấp 7 lần so với năm 2006. Hầu hết các công ty đều thực hiện phát hành thêm cổ phiếu thành công cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược, cho cán bộ nhân viên... mang lại những nguồn vốn đáng kể phục vụ cho kế hoạch đầu tư, mở rộng kinh doanh của công ty.

Đây là những tín hiệu tích cực chứng tỏ TTCK đã phát huy được vai trò là kênh huy động vốn trong nền kinh tế, đem lại lợi ích cho các công ty. Đồng thời SGDCKTPHCM là nơi thu hút được nhiều nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước tham gia TTCK.

#### ➤ Trái phiếu

Trước khi TTGDCKHN đi vào hoạt động, SGDCKTPHCM là nơi tổ chức niêm yết trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty huy động được về hàng nghìn tỷ đồng vốn vay cho nhà nước và công ty. Đồng thời tạo nên một thị trường có tính thanh khoản cho mặt hàng trái phiếu. Đây là mặt hàng có tính rủi ro về biến động giá thấp nên thường được các nhà đầu tư là tổ chức trong và ngoài nhằm đa dạng và giảm bớt rủi ro cho danh mục đầu tư. Trái phiếu được giao dịch dưới hình thức thoả thuận. Tính đến hết năm 2007, có 366 loại trái phiếu niêm yết trên SGDCKTPHCM bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị giao dịch trong năm là 39.918, 82 tỷ đồng. Nhưng kể từ ngày 22/05/2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định chuyển toàn bộ trái phiếu chính phủ sang niêm yết tại TTGDCKHN, đây là bước đi nằm trong lộ trình tái cấu trúc thị trường chứng khoán. Giá trị giao dịch trái phiếu năm 2007 là 39,91 nghìn tỷ chiếm 16,24% giá trị giao dịch toàn thị trường.

#### ➤ Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ đại chúng. Trong đó, quỹ đại chúng là quỹ đầu tư

chứng khoán hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư, với mục đích kiếm lợi nhuận từ việc đa dạng hoá đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác nhau nhằm phân tán rủi ro. Để thành lập quỹ, Công ty quản lý quỹ phải phát hành chứng chỉ quỹ, nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ là đã xác nhận sự góp vốn của mình vào quỹ chứng đó.

Đến hết năm 2008 đã có 4 chứng chỉ quỹ niêm yết trên SGDCKTPHCM là VFMVF1, PRUBF1, MAFPF1, VFMVF4. Trong đó:

VFMVF1: là chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam do Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam quản lý với số lượng niêm yết là 100 triệu chứng chỉ quỹ.

PRUBF1: là chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư cân bằng Prudential do Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Prudential Việt Nam quản lý với số lượng chứng chỉ quỹ niêm yết là 50 triệu chứng chỉ quỹ.

MAFPF1: là chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư tăng trưởng Manulife do Công ty TNHH quản lý Quỹ đầu tư Manulife chứng khoán Việt Nam quản lý.

VFMVF4: Quỹ đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Việc niêm yết các chứng chỉ quỹ một mặt làm phong phú hàng hoá giao dịch trên SGDCKTPHCM. Mặt khác, những nhà đầu tư không có điều kiện, kinh nghiệm đầu tư trực tiếp vào cổ phiếu, trái phiếu có thể đầu tư thông qua các quỹ.

Chứng chỉ quỹ ngày càng trở thành mặt hàng được mua bán nhiều trên TTCK, thậm trí nhiều nhà đầu tư còn đánh giá chứng chỉ quỹ hấp dẫn, ít rủi ro hơn cổ phiếu và có tính thanh khoản cao. Vì nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ có thể yên tâm làm các công việc khác, không cần phải suy tính đầu tư vào chứng khoán nào, đến kỳ nhà đầu tư lấy lợi nhuận và có thể bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư khác trên thị trường để thu lại tiền mặt.

Bảng 2.3. Một số điều kiện cơ bản khi niêm yết chứng khoán trên SGDCKTPHCM và TTGDCKHN

| <b>Điều kiện niêm yết</b> | <b>SGDCKTPHCM</b>   | <b>TTGDCKHN</b>   |
|---------------------------|---|---|
| Cổ phiếu                  | Loại hình công ty: Công ty cổ phần.<br>Vốn điều lệ: từ 80 tỷ trở lên  | Loại hình công ty: Công ty cổ phần.<br>Vốn điều lệ: từ 10 tỷ trở lên                              |
|                           | KQKD 2 năm liên trước năm đăng ký phải có lãi và không có lỗ lũy kế   | KQKD của năm liên trước năm đăng ký phải có lãi   |
|                           | Không có các khoản nợ quá hạn không được dự phòng.  | Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm.  |
| Trái phiếu                | Loại hình: Công ty cổ phần, TNHH, doanh nghiệp nhà nước<br>Vốn điều lệ: từ 80 tỷ đồng Việt Nam trở lên  | Loại hình: Công ty cổ phần, TNHH, doanh nghiệp nhà nước<br>Vốn điều lệ công ty: từ 10 tỷ trở lên. |
|                           | KQKD 2 năm liên trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi, không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước |   |
| Chứng chỉ quỹ             | Là quỹ đóng có tổng giá trị chứng chỉ quỹ (theo mệnh giá) phát hành từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên.   |   |

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Với những điều kiện cơ bản trên cho thấy, những công ty đủ điều kiện được niêm yết trên SGDCK là những công ty đại chúng có vốn lớn, có tình hình tài chính khá tốt, làm ăn có hiệu quả. Hoạt động kinh doanh của nhiều công ty không chỉ tập trung vào ngành dịch vụ truyền thống mà còn mở rộng ra các lĩnh vực khác như đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính....Trong quá trình niêm yết những cổ phiếu này

luôn phải đáp ứng những điều kiện niêm yết của SGDCK. Những điều kiện chặt chẽ ngay từ ban đầu đã phản ánh phần nào chất lượng của hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM, tạo lòng tin cho nhà đầu tư.

Chất lượng cổ phiếu còn phụ thuộc nhiều vào kết quả kinh doanh của Công ty sau khi lên niêm yết, cũng như việc minh bạch hoá thông tin từ tổ chức niêm yết. Những vấn đề này luôn được nhà đầu tư quan tâm và theo dõi, đánh giá trong suốt thời gian niêm yết trên TTCK. Một thực tế cho thấy, những báo cáo tài chính hàng quý của các công ty (chưa có kiểm toán) vẫn khiến các nhà đầu tư lo lắng về chất lượng. Do các công ty có thể sử dụng những phương pháp kế toán nhằm tránh hoặc không thuyết minh cụ thể các khoản mục trong báo cáo tài chính. Và chỉ khi đến báo cáo tài chính năm (được kiểm toán) nhà đầu tư mới hiểu rõ về tình hình tài chính công ty. Thậm chí nhiều công ty lãi trong các quý 1,2,3, những lỗ nặng ở quý 4 kéo theo lũy kế cả năm bị lỗ. Vấn đề này đã nảy sinh rõ hơn trong năm 2008, khi mà các công ty vấp phải rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu và trong nước gây ra.

Nhưng nhìn chung, SGDCKTPHCM vẫn sẽ là nơi thu hút được nhiều công ty lên niêm yết trong thời gian tới. Cung hàng hoá sẽ tăng lên, tính thanh khoản của thị trường sẽ mạnh hơn. Nhà đầu tư tham gia nhiều hơn vào TTCK. Tuy nhiên những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính đang diễn ra làm TTCK trong nước sụt giảm khiến nhiều công ty vẫn còn e ngại chưa muốn lên niêm yết. Vì vậy đây là thách thức đối với SGDCKTPHCM trong thời gian tới.

## **2.4.2. Tổ chức và quản lý thị trường.**

### **2.4.2.1. Quản lý và thẩm định niêm yết.**

Nâng cao số lượng và chất lượng của các công ty niêm yết luôn là mục tiêu hàng đầu của SGDCKTP.HCM, để đạt được mục tiêu này, quản lý và thẩm định niêm yết đóng vai trò hết sức quan trọng.

Thẩm định niêm yết là khâu kiểm tra, xét duyệt hồ sơ cho các công ty được niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM. Đây là khâu quan trọng, quyết định trực tiếp hàng hoá đầu vào cho SGDCKTPHCM. Chất lượng thẩm định tốt, thời gian thẩm định nhanh, quy trình thẩm định rõ ràng là điều kiện cơ bản khích lệ các công ty lên niêm yết, nhất là khi những thủ tục hành chính của Việt Nam còn chông chéo,

văn bản hướng dẫn chưa thống nhất. Trong năm 2008 là năm khó khăn đối với TTCK Việt Nam, nhưng bộ phận thẩm định và niêm yết đã xét duyệt hồ sơ cho 32 công ty và 1 chứng chỉ quỹ niêm yết mới. Quy trình thẩm định một hồ sơ niêm yết thực hiện qua các bước sau:

- Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, chuyên viên tổ thẩm định sẽ kiểm tra nội dung.
  - Bản cáo bạch: có đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ Tài chính; các nội dung được trình bày rõ ràng, mạch lạc, có đầy đủ các tài liệu chứng minh.
  - Kiểm tra báo cáo tài chính đối với hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu/trái phiếu
  - Kiểm tra Báo cáo kết quả đầu tư của quỹ hoặc Công ty đầu tư đã được công bố trong Điều lệ quỹ hoặc Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.
  - Kiểm tra điều lệ công ty/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán (điều lệ phải tuân thủ theo mẫu điều lệ áp dụng cho các công ty niêm yết do Chính phủ ban hành.
  - Yêu cầu tổ chức niêm yết bổ sung, sửa đổi hồ sơ nếu chưa phù hợp.
- Phân tích và đánh giá hồ sơ niêm yết: gồm tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, phân tích tình hình tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết, đánh giá tình hình triển khai các dự án đầu tư và kế hoạch phát triển trong tương lai, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giá chứng khoán.
- Tổ thẩm định họp, thống nhất ý kiến về việc cấp hoặc không cấp quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết.
- Lập báo cáo tổng hợp
- Hội đồng thẩm định họp xem xét hồ sơ niêm yết:
- Chấp thuận nguyên tắc về việc niêm yết
- Hoàn tất thủ tục cấp quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết.

Thời gian thẩm định một hồ sơ thông thường là 30 ngày , các chuyên viên tổ thẩm định đã cố gắng hết sức để rút ngắn thời gian tuy nhiên còn phụ thuộc vào

doanh nghiệp bổ sung hồ sơ nhanh hay chậm. Việc rút ngắn thời gian thẩm hồ sơ là hết sức cần thiết và là chủ trương chung của SGDCCKTPHCM nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp lên niêm yết.

Nhằm tăng cường tính chủ động trong việc quản lý thị trường, từ ngày 01/01/2007, UBCKNN chính thức chuyển toàn bộ hoạt động thẩm định niêm yết cho SGDCCKTPHCM thực hiện. Đến 31/12/2008, SGDCCKTPHCM đã tự thẩm định được 62 hồ sơ và đã ban hành quy chế thẩm định niêm yết đầu tiên, được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời xây dựng quy trình nội bộ nên đã tạo nên tính chủ động, nhất quán và rõ ràng cho các chuyên viên thực hiện. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn nảy sinh nhiều vấn đề khách quan khiến cho việc thẩm định hồ sơ chậm trễ như do quy định pháp lý bất cập, không rõ ràng, do các công ty đăng ký niêm yết, công ty tư vấn không nắm rõ quy định, lập hồ sơ không cẩn thận.

Sau hoạt động thẩm định đó là quá trình quản lý các công ty trong suốt thời gian công ty niêm yết tại SGDCCKTPHCM nhằm đảm bảo các công ty niêm yết thực hiện tốt nghĩa vụ của công ty trên thị trường chứng khoán bao gồm hướng dẫn, giám sát việc công bố thông tin của tổ chức niêm yết, hướng dẫn thủ tục niêm yết bổ sung. Hiện tại, mỗi chuyên viên tại phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết quản lý trung bình từ 10-15 Công ty. Việc giám sát, xử lý thông tin trước khi công bố ra thị trường chủ yếu bằng phần mềm thông dụng, chưa có phần mềm chuyên nghiệp hỗ trợ. Nếu quy mô thị trường tiếp tục tăng lên trong thời gian tới lên đến hàng trăm công ty thì đây cũng là một khó khăn trong việc quản lý. Mặt khác, Các công ty niêm yết hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau và rất đa dạng, thậm trí một công ty có thể kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, kinh doanh bất động sản, tài chính vv. Trong khi một số chuyên viên mới được tuyển dụng nên kinh nghiệm, trình độ chuyên môn xử lý tình huống còn hạn chế khi giải quyết vấn đề chuyên biệt từ các công ty. Vì vậy, nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ cho các vị trí để đáp ứng được yêu cầu công việc là hết sức cần thiết.

#### **2.4.2.2. Hoạt động giám sát giao dịch**

Hoạt động giám sát giao dịch tại SGDCCKTPHCM thực hiện chức năng tổ chức, theo dõi và giám sát toàn bộ các hoạt động liên quan đến giao dịch chứng khoán có vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa và phát hiện các hành vi vi phạm



các quy định về hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường tập trung như các hành vi giao dịch nội bộ, thao túng và lũng đoạn thị trường... Đồng thời thu thập tin đồn, tổ chức lưu trữ và bảo quản dữ liệu, hồ sơ phục vụ cho công tác giám sát, điều tra, xử phạt.

Hoạt động giám sát do phòng Giám sát của SGDCKTPHCM thực hiện. Công tác giám sát hoạt động giao dịch được thực hiện theo những nguyên tắc, nội dung và trình tự do Sở giao dịch ban hành và pháp luật quy định. Các giao dịch chứng khoán được giám sát dựa trên hệ thống các mẫu giao dịch và tham số cảnh báo, gọi chung là hệ thống tiêu chí giám sát. Hệ thống tiêu chí giám sát này, là công cụ đo lường các mức độ tăng giảm của giá khối lượng chứng khoán để từ đó phát hiện các biến động bất thường.

Quá trình xử lý vi phạm luôn có sự phối hợp giữa SGDCKTPHCM với UBCKNN. Ngay khi vi phạm bị phát hiện, SGDCK gửi công văn yêu cầu công ty niêm yết hoặc nhà đầu tư có liên quan giải trình vụ việc. Nếu vụ việc nằm trong phạm vi xử lý, SGDCK sẽ trực tiếp xử lý. Trường hợp vụ việc nằm ngoài phạm vi xử lý, SGDCK sẽ báo cáo và chuyển vụ việc lên UBCKNN.

Trong thời gian qua, SGDCKTPHCM đã phát hiện được nhiều vụ việc chứng khoán biến động bất thường, các hành vi giao dịch bất thường hay có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động giao dịch chứng khoán và báo cáo lên UBCKNN đề nghị tiến hành điều tra xử lý. Trong đó nổi bật là 3 vụ việc thao túng thị trường liên quan đến chứng chỉ quỹ VFMVF1, cổ phiếu STB và một số cổ phiếu khác. Các vụ việc này đã được Thanh tra UBCKNN xử phạt với tổng số tiền là 290 triệu đồng. Trong năm 2008, công tác giám sát giao dịch phát hiện 127 trường hợp nhà đầu tư giao dịch vi phạm quy định nghiêm cấm đồng thời đặt lệnh mua và bán đối với một loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong cùng một ngày giao dịch, 26 trường hợp là cổ đông nội bộ và người có liên quan giao dịch chứng khoán nhưng không công bố thông tin theo quy định của pháp luật. 05 trường hợp giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn mà không thực hiện báo cáo kết quả thay đổi sở hữu theo quy định; 01 trường hợp giao dịch nội gián. Các vụ việc này đều được báo cáo lên UBCKNN để xử lý. Những nỗ lực trong công tác giám sát của SGDCKTPHCM đã góp phần ngăn ngừa những vi phạm góp phần cho thị trường hoạt động công bằng, minh bạch, an toàn và hiệu quả. Song thực tế cho thấy việc giám sát và phát hiện được ra những vi phạm trong giao dịch là vấn đề rất khó khăn, ngay cả đối với

những nước có TTCK phát triển lâu đời. Mặc dù, SGDCCK đã nỗ lực trong công tác giám sát thị trường nhưng thực tế cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế.

Về khung pháp lý: Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán tuy về cơ bản, có tác động điều chỉnh hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của hệ thống giám sát, nhưng do vẫn còn trong giai đoạn hoàn thiện nên những vấn đề liên quan đến giám sát chưa quy định hoặc chưa quy định cụ thể như giao dịch nội gián, giao dịch nội bộ, thao túng thị trường...từ đó làm hiệu quả hoạt động giám sát bị giảm. Mặt khác, những văn bản về TTCK trong thời gian qua liên tục được sửa đổi như nghị định 36/2007/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Nghị định 14/2007/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều luật chứng khoán được ban hành năm 2007 cũng chuẩn bị sửa đổi. Việc thiếu tính ổn định của khung pháp lý cũng ảnh hưởng đến hoạt động giám sát và khả năng thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, mức xử phạt vi hành chính đối với các vi phạm trên TTCK là chưa tương thích với thiệt hại có thể xảy ra cho thị trường.

Hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM có tính cường chế thấp. Các trường hợp vi phạm phần lớn chuyển cho UBCKNN xử lý.

Để đảm bảo hoạt động giám sát hiệu quả, việc đầu tư, ứng dụng những phần mềm chuyên nghiệp như hệ thống cảnh báo chứng khoán một cách tự động là hết sức cần thiết.

Nhân sự cũng là một vấn đề quan trọng đối với công tác giám sát. Đối với SGDCCK các nước số lượng nhân viên thường chiếm từ 15 đến 40% tổng số lượng nhân viên của Sở. Tuy nhiên TTCK Việt Nam còn nhỏ bé, số lượng nhà đầu tư còn ít, nên với số lượng nhân viên giám sát giao dịch không cần nhiều như các nước. Nhưng khi quy mô thị trường tăng lên trong thời gian tới, thì với lực lượng nhân sự hiện này(12 người), cùng việc thiếu hệ thống phần mềm chuyên nghiệp hỗ trợ sẽ là rất khó để bộ phận giám sát thực hiện hiệu quả tất cả các khâu của quá trình giám sát.

#### **2.4.2.3. Hoạt động quản lý thành viên:**

Thành viên giao dịch tại SGDCCKTPHCM là các công ty chứng khoán được SGDCCKTPHCM chấp thuận trở thành thành viên giao dịch. Hoạt động quản lý

thành viên của SGDCKTPHCM do phòng Quản lý thành viên đảm nhiệm, thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tổ chức giao dịch chứng khoán đang niêm yết trên SGDCKTPHCM và thực thi nghĩa vụ của các công ty chứng khoán trên TTCK.

Ngay từ trước khi được chấp thuận trở thành thành viên chính thức của SGDCK, các công ty chứng khoán phải đảm đầy đủ các điều kiện vật chất phục vụ cho hoạt động giao dịch được thông suốt như hệ thống nhận lệnh, truyền lệnh, trạm đầu cuối kết nối với hệ thống giao dịch của SGDCKTPHCM, phần mềm hỗ trợ giao dịch trực tuyến, hệ thống dự phòng trường hợp xảy ra sự cố máy chủ, đường truyền....Việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hệ thống giao dịch tại công ty chứng khoán ngay từ ban đầu đã góp phần hạn chế không để xảy ra những sự cố gây thiệt hại cho nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, SGDCKTPHCM quản lý và giám sát các công ty chứng khoán thông qua hệ thống các báo cáo, mà các công ty này có nghĩa vụ báo cáo cho SGDCKTPHCM như báo cáo định kỳ, báo cáo theo yêu cầu và báo bất thường. Trong đó,

+ Báo cáo định kỳ gồm báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo giám sát tuân thủ những quy định về giao dịch, báo cáo, công bố thông tin; báo cáo theo yêu cầu.

+ Báo cáo theo yêu cầu: Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, SGDCKTPHCM sẽ yêu cầu công ty chứng khoán giải trình những thông tin về tổ chức, hoạt động thành viên, hoặc những vấn đề có liên quan.

+ Báo cáo bất thường:

Trên cơ sở những báo cáo này, các chuyên viên được phân công quản lý công ty chứng khoán sẽ xem xét, đánh giá những bất thường liên quan đến công ty không. Yêu cầu công ty phải giải thích rõ những bất thường, đồng thời công bố thông tin ra thị trường chứng khoán thông qua website của SGDCK và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của luật chứng khoán. Tùy vào mức độ sai phạm, SGDCK có thể nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ giao dịch của thành viên, đình chỉ tư cách thành viên. Trong năm 2008, có 34 công ty thành viên bị nhắc nhở và 4 công ty thành viên bị cảnh cáo về vi phạm chế độ báo cáo định kỳ.

Mạng lưới các công ty chứng khoán thành viên được mở rộng phù hợp với quy mô của TTCK là một trong những điều kiện cơ bản thúc đẩy TTCK phát triển, thu hút được sự tham gia của các nhà đầu tư. Trong năm 2008, SGDCCKTPHCM đã tiếp nhận thêm 29 công ty chứng khoán, nâng tổng số thành viên của Sở lên 91 công ty. Các công ty thành viên mới có tiềm lực tài chính khá mạnh, góp phần đẩy mức vốn điều lệ bình quân một công ty từ 156 tỷ đồng năm 2007 lên 197 tỷ đồng năm 2008. Nhưng đây cũng là năm hầu hết các công ty chứng khoán gặp khó khăn, đối mặt với tình trạng thua lỗ, phải thu hẹp phạm vi nghiệp vụ, cắt giảm nhân viên. Mức thua lỗ bình quân của các công ty chứng khoán là 14.2 tỷ đồng. Trong thời gian tới, những vụ sáp nhập giữa các công ty chứng khoán đều có thể xảy ra. Chính trong những điều kiện hoạt động của các công ty chứng khoán gặp nhiều khó khăn và không ổn định như hiện nay, việc quản lý tuân thủ của thành viên được đề cao hơn bao giờ hết, đặc biệt là chế độ kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. Đây là hai trong số quy trình được lưu tâm nhất trong việc kiểm tra điều kiện làm thành viên của SGDCCKTPHCM.

Trong thời gian qua, SGDCCKTPHCM cũng rất nỗ lực đến công tác quản lý thành viên. SGDCCKTPHCM đã ban hành quy chế quản lý thành viên nhằm cụ thể hoá những nghĩa vụ và quyền lợi của các công ty chứng khoán khi trở thành thành viên của Sở. Đồng thời SGDCCKTPHCM cũng phối hợp với các công ty chứng khoán trong các vấn đề liên quan đến hệ thống giao dịch để đảm bảo việc giao dịch của nhà đầu tư an toàn và hiệu quả. Tuy nhiên, để đáp ứng kịp sự phát triển của Thị trường chứng khoán trong thời gian tới, SGDCCK cần phải chú trọng đến việc nâng cấp hệ thống giao dịch, trang bị phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý, tuyển dụng thêm nhân viên, đào tạo nâng cao trình độ nhân viên.

#### **2.4.2.4. Thông tin thị trường**

Qua 8 năm hình thành và phát triển, SGDCCK TP.HCM đã xây dựng cho mình một kênh thông tin tuy chưa phải là hiện đại nhưng ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường về công bố thông tin và nhận thông tin. Thông tin của công ty niêm yết, công ty chứng khoán, thông tin về trái phiếu, các thông tin về đấu giá... được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và kịp thời trên website, Bản tin TTCK và các phương tiện công bố thông tin khác của Sở. Thông tin cũng được nhận và lưu chuyển đầy đủ đến các CTCK thành viên thông qua hệ thống máy chủ. Website của

SGDCKTPHCM đã thay đổi giao diện so với năm 2006 theo hướng dễ dàng hơn cho các nhà đầu tư tìm kiếm thông tin. Bản tin thị trường cũng được điều chỉnh bổ sung thông tin về các chỉ tiêu tài chính của công ty niêm yết, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, giao dịch mua bán cổ phiếu của tổ chức niêm yết từng ngày.

### **2.4.3 Nghiên cứu và phát triển**

Hoạt động nghiên cứu và phát triển luôn được SGDCK các nước xem trọng và SGDCKTPHCM cũng không là ngoại lệ. Hoạt động nghiên cứu và phát triển tại SGDCKTPHCM do phòng nghiên cứu và phát triển phụ trách. Đây là bộ phận chủ trì, phối hợp với các phòng ban khác triển khai việc nghiên cứu các dự án trong thời gian qua. Nhiều dự án nghiên cứu đã và đang được tiến hành nhằm phục vụ mục tiêu phát triển trong ngắn hạn và dài hạn của Sở như dự án nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số mới, xây dựng chuẩn phân ngành, nghiên cứu và đánh giá tình khả thi của việc liên kết giao dịch với các Sở trong ASEAN và dự án chứng khoán phái sinh. Trong đó, dự kiến SGDCKTPHCM sẽ đưa chứng khoán phái sinh vào giao dịch trong năm 2010. Sự ra đời của sản phẩm này sẽ là công cụ giúp nhà đầu tư ngăn ngừa được rủi ro khi đầu tư. Qua cuộc điều tra của SGDCKTPHCM trên tổng số 366 đối tượng tại 25 sàn giao dịch của Công ty chứng khoán trong tháng 4/2008 cho thấy hơn 75% số người có mức độ am hiểu cơ bản về các công cụ chứng khoán phái sinh và 67% số người đánh giá TTCK Việt Nam cần thiết phải triển khai áp dụng các công cụ chứng khoán phái sinh, trên 92,8% sẵn sàng tham gia giao dịch khi thị trường chứng khoán phái sinh được triển khai. Những con số cụ thể này đã xác định được nhu cầu của thị trường đối với các công cụ phái sinh là rất lớn và việc triển khai giao dịch các công cụ này tại TTCK Việt Nam là cấp thiết.

Những nghiên cứu này hiện đang được triển khai, trong tương lai hứa hẹn sẽ đem lại những công cụ hỗ trợ cho công tác quản lý TTCK và bổ sung những sản phẩm mới trên TTCK. Hoạt động nghiên cứu và phát triển đòi hỏi sự đầu tư nhiều về tài chính, cũng như nhân lực. Đây cũng là hạn chế đối với một SGDCK còn non trẻ như SGDCKTPHCM. Nhân sự không đủ người để triển khai và đẩy nhanh tiến độ công việc. Phần lớn các chuyên viên còn trẻ chủ yếu được đào tạo trong nước nên những kiến thức tiên tiến về TTCK còn hạn chế.

### **2.4.4. Nhân sự**

Đây là nhân tố quan trọng nhất, quyết định sự tồn tại và phát triển của SGDCKTPHCM trong hiện tại cũng như tương lai.

Hiện tại SGDCKTPHCM có 200 nhân viên, trong đó 76,1% có trình độ đại học, 8% thạc sỹ, 1,1% là tiến sỹ. Phần lớn nhân viên còn trẻ rất năng động, sáng tạo, nhiệt huyết với công việc. Họ được đào tạo tại các trường đại học như Đại học kinh tế Tp.HCM, Đại học ngân hàng, Đại học bách khoa. Công tác tuyển dụng của SGDCKTPHCM luôn có sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng nhân sự và phòng ban nghiệp vụ, nhằm tuyển dụng đúng đối tượng có đủ phẩm chất đáp ứng yêu cầu công việc. Trưởng các phòng ban trực tiếp phỏng vấn, đánh giá, cho điểm thông qua hệ thống bảng câu hỏi tuyển dụng. Trong quá trình công tác, SGDCKTPHCM cũng luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Theo kế hoạch hàng năm, các phòng nghiệp vụ đăng ký kế hoạch đào tạo và kinh phí đào tạo trong và ngoài nước. Thông qua những khoá học này, cán bộ nhân viên của SGDCKTPHCM được trang bị kiến thức nền tảng chuyên sâu về TTCK, hoàn thiện kỹ năng quản lý đồng thời nâng cao trình độ ngoại ngữ. Điều này hỗ trợ rất nhiều cho công việc chuyên môn. Trong năm 2008, SGDCK đã tuyển thêm 15 nhân viên bổ sung vào phòng tin học.

Chuyển từ đơn vị sự nghiệp có thu sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, SGDCKTPHCM được tự chủ hơn về tài chính, nên cơ chế lương thưởng cho nhân viên được cải thiện đáng kể, theo đúng năng lực và đóng góp đã tạo điều kiện cho các bộ nhân viên tích cực phấn đấu và cống hiến hết khả năng cho sự phát triển của Sở. Hạn chế được tình trạng “chảy máu chất xám” vốn là vấn đề đã được báo động khi Sở còn hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp.

Tuy nhiên, việc tuyển dụng của SGDCK mới chỉ dừng lại ở mức đăng tuyển thông qua phương tiện báo trí, website của Sở chứ chưa chủ động phối hợp với các trường đại học để hỗ trợ và tuyển chọn sinh viên giỏi ngay từ khi còn chưa tốt nghiệp. Đối với một ngành khá mới mẻ ở Việt Nam, đang có nhu cầu phát triển mạnh mẽ như Chứng khoán, thì việc tìm kiếm và tuyển dụng được những người có năng lực chuyên môn cao là hết sức cần thiết.

Công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên chủ yếu là các chương trình đào tạo trong nước, việc đào tạo tại nước ngoài còn hạn chế và tập trung chủ yếu cho các cấp trưởng, phó bộ phận trở lên.

### **2.4.5 Công nghệ**

Điểm nhấn của SGDCKTPHCM trong việc phát triển là xây dựng một SGDCK đi đầu về lĩnh vực công nghệ tin học. Đây là một trong những mục tiêu nằm trong chiến lược phát triển của SGDCK đến năm 2015.

Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin, nên ngay từ cuối năm 2006, SGDCK đã đề ra lộ trình nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Trong đó tập trung vào triển khai nâng cấp mạng hệ thống mạng để trở thành mạng 3 lớp, đảm bảo an toàn cho hệ thống giao dịch. SGDCKTPHCM tiếp tục triển khai giao dịch trực tuyến. Theo hình thức giao dịch này, công ty chứng khoán sẽ không phải cử đại diện ngồi tại sàn giao dịch nhập lệnh cho các nhà đầu tư vào hệ thống giao dịch của Sở như trước đây. Nhà đầu tư có thể ngồi tại nhà đặt lệnh mua bán thông qua máy tính cá nhân. Những lệnh này sau khi được chuyển vào hệ thống quản lý giao dịch của công ty chứng khoán để kiểm soát sẽ tự động chuyển thẳng vào hệ thống giao dịch của SGDCKTPHCM. Giao dịch trực tuyến đánh dấu sự thay đổi căn bản về phương thức giao dịch trên thị trường, nâng cao hiệu suất nhập lệnh và thực hiện lệnh, đảm bảo tính công bằng cho nhà đầu tư, mở đường cho phương thức quản lý giao dịch tiên tiến. Sau khi thử nghiệm nội bộ, SGDCKTPHCM đã chính thức triển khai giao dịch trực tuyến từ ngày 12/01/2009 với các công ty chứng khoán thành viên. Đến hết quý I/2009 đã có 68 Công ty chứng khoán thực hiện giao dịch trực tuyến.

SGDCKTPHCM cũng đã nâng cấp hệ thống đấu giá và triển khai sử dụng phần mềm mới, chuẩn bị đưa phần mềm công bố thông tin vào sử dụng.

Trong thời gian tới, SGDCK cần tiếp tục triển khai, giám sát giao dịch trực tuyến để xử lý những sự cố có thể xảy ra. Mặt khác, SGDCKTPHCM cũng cần có kế hoạch đầu tư hệ thống công nghệ thông tin mới, có khả năng kết nối tự động hệ thống giám sát với các hệ thống giao dịch, công bố thông tin, lưu ký và thanh toán. Đây là hệ thống công nghệ tiên tiến được các nước như Hàn Quốc, Mỹ... đang áp dụng trong quản lý thị trường chứng khoán.

### **2.4.6. Văn hóa tổ chức của SGDCK TP.HCM:**

Văn hoá của doanh nghiệp là bản sắc của doanh nghiệp, là sức mạnh cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp và là động lực cho sự phát triển.

Trong hơn 8 năm hoạt động, để SGDCKTPHCM luôn phấn đấu trở thành SGDCK hàng đầu của Việt Nam, là nơi thu hút được nhiều công ty trong nước và khu vực lên niềm yết, đem lại niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Để thực hiện được những mục tiêu này đòi hỏi phải có sự nỗ lực lao động, đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên của Sở. Những kết quả SGDCK đạt được đều hàm chứa trong đó yếu tố văn hoá của một tổ chức. Đó là:

- Tạo dựng mối quan hệ đoàn kết giữa cán bộ nhân viên trong Sở không chỉ trong công việc, mà còn thông qua các hoạt động giao lưu như thành lập đội bóng đá, đội cầu lông, tennis.
- Các phòng ban luôn chủ động cải tiến môi trường làm việc, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy hết năng lực trong công việc. Qua đó lãnh đạo có thể phân công bố trí công việc hợp lý, bồi dưỡng cho nhân viên.
- Cán bộ nhân viên sẵn sàng tham gia chia sẻ với những khó khăn không chỉ trong Sở mà còn có với cộng đồng xã hội.
- Cán bộ nhân viên có ý thức tuân thủ các quy định nơi làm việc.

Việc duy trì và phát triển văn hoá tốt đẹp của SGDCK là động lực cho sự phát triển trong tương lai. Tuy nhiên để thực hiện được trong môi trường làm việc luôn có sự biến động về nhân sự như hiện nay, SGDCK cần xây dựng kế hoạch cụ thể để tạo ra bản sắc văn hoá riêng cho SGDCKTPHCM.

## **2.5. Nhận định những điểm mạnh, điểm yếu của SGDCK TP HCM.**

### **2.5.1. Những điểm mạnh.**

- SGDCK đặt trụ Sở tại Tp.HCM – trung tâm kinh tế - tài chính của cả nước, có lợi thế phát triển thành nơi tổ chức TTCK tập trung quy mô nhất và chất lượng cao nhất của Việt Nam. TP.HCM là thành phố lớn có tốc độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước, nơi thu hút nhiều công ty lớn trong nước và nước ngoài thành lập và hoạt động, đời sống của người dân được xếp vào mức cao nhất so với các thành phố khác trong cả nước. Chính những lợi thế này, nên ngay từ ban đầu trong chiến lược phát triển TTCK, Chính phủ đã có chủ trương phát triển SGDCKTPHCM là nơi tổ chức thị trường chứng khoán tập trung quy mô lớn của Việt Nam. Điều này bắt đầu được cụ thể hoá trong chủ trương của Bộ tài chính trong việc tái cấu trúc TTCK



Việt Nam, theo đó các công ty đại chúng có vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng trở lên, đáp ứng được yêu cầu niêm yết sẽ tập trung niêm yết tại SGDCKTPHCM.

- SGDCKTPHCM cũng là nơi tổ chức TTCK tập trung đầu tiên của Việt Nam, có kinh nghiệm hoạt động, thuận lợi trong việc thu hút nhiều công ty cổ phần lớn đầu ngành tham gia niêm yết. Từ những ngày đầu, SGDCKTPHCM từng bước xây dựng bộ máy, tuyển nhân viên và cho đi đào tạo ở nước ngoài, học hỏi kinh nghiệm từ mô hình hoạt động của SGDCK Thái Lan, Hàn Quốc đến nay, SGDCKTPHCM đã tích lũy được những kinh nghiệm nhất định trong quản lý và vận hành TTCK. Nắm bắt được những khó khăn, bất cập trong chính sách pháp luật từ đó có kiến nghị với UBCKNN, Bộ tài chính điều chỉnh, sửa đổi văn bản nhằm để phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như tháo gỡ những vướng mắc cho các thành viên tham gia vào thị trường, nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ, an toàn trong quản lý. Chính những thành tựu thu được trong suốt thời gian qua, đã phần nào khẳng định được uy tín của SGDCKTPHCM trong lòng công chúng đầu tư, thu hút được nhiều công ty cổ phần có vốn điều lệ lên đến hàng nghìn tỷ đồng tham gia niêm yết.

- Mặc dù công tác giám sát còn hạn chế, đôi khi chưa theo kịp sự phát triển của TTCK, nhưng so với thời kỳ đầu đi vào hoạt động, đến nay tính minh bạch của thông tin trên TTCK đã cải thiện đáng kể. SGDCKTPHCM đã có những phương tiện thông tin cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Sở cũng ban hành quy chế công bố thông tin buộc các công ty niêm yết phải thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin trên TTCK. Chính vì vậy, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đánh giá tích cực về tình minh bạch, tính ổn định và chuẩn mực trong hoạt động

- SGDCKTPHCM chuyển sang hoạt động như một công ty nhà nước thể hiện bước tiến đáng kể tạo cơ chế tự chủ trong hoạt động của Sở, tăng cường tính năng động linh hoạt cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, đồng thời nâng cao sức mạnh tài chính tài trợ tốt hơn cho việc đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nhân lực là điều kiện quyết định sự thành công của Sở:

Chuyển sang mô hình mới, Sở bắt đầu hoạt động theo điều lệ riêng với cơ cấu tổ chức kiện toàn hơn. Công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo phòng ban được phân cấp rõ ràng hơn. Nhờ đó, các hoạt động nghiệp vụ của Sở được kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả công việc được cải thiện. Cơ cấu tổ chức mới với 13 phòng ban được xem là hoàn thiện và đầy đủ

hơn nhiều so với cơ cấu 8 phòng ban trước đây. Trong đó một số phòng ban mới được thành lập là Phòng Nghiên cứu phát triển, phòng tiếp thị và quan hệ công chúng, phòng hợp tác quốc tế, phòng nhân sự và đào tạo, phòng kiểm soát nội bộ. Các hoạt động như quan hệ công chúng, hợp tác quốc tế, quản lý nhân sự và đào tạo trước đây là những bộ phận nhỏ thuộc phòng hành chính tổng hợp khi còn là Trung tâm. Việc tách bạch thành các phòng ban chuyên biệt giúp cho các phòng ban hoạt động linh hoạt, có trách nhiệm trong việc ra quyết định cũng như chủ động và độc lập hơn trong việc hoạch định kế hoạch cho phòng ban mình.

SGDCKTPHCM đã được chủ động trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự, chủ động được công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ kịp thời, luân chuyển nhân viên phù hợp với yêu cầu từng vị trí và theo đúng năng lực chuyên môn sở trường công tác nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công việc. Lãnh đạo các phòng ban trực tiếp tuyển chọn nhân sự cho phòng mình và đề xuất tăng lương một cách linh hoạt hơn trên cơ sở đánh giá năng lực. Điều này góp phần không nhỏ trong việc nâng cao trình độ chuyên môn và hiệu quả công việc của từng phòng ban.

Việc trở thành pháp nhân độc lập về tài chính giúp SGDCKTPHCM có điều kiện tích lũy phục vụ cho mục đích hỗ trợ thị trường, không còn lệ thuộc vào ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó Sở có thể chủ động hơn trong đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, quảng bá hình ảnh của Sở, đồng thời chủ động trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ nhu cầu thị trường.

Chuyển từ mô hình hoạt động từ TTGDCK sang SGDCK, nên đã có sự phân cấp rõ ràng hơn giữa Sở và các cơ quan quản lý TTCK trong việc tổ chức, quản lý, điều hành thị trường. Điều này giúp SGDCKTPHCM phát huy được tính chủ động trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày của thị trường cũng như đưa ra đề xuất kiến nghị với cơ quan quản lý thị trường. Vì vậy các biện pháp can thiệp thị trường trở nên linh hoạt hơn, sát với tình hình thực tế như thu hẹp biên độ giá từ 5% xuống 3% rồi 1% trong năm 2008. Sở cũng chủ động kiến nghị Bộ tài chính giảm phí giao dịch từ 0,05% xuống còn 0,03% khi thị trường trong giai đoạn khó khăn.

- Tích cực hợp tác với các SGDCK trong khu vực và trên thế giới thông qua các biên bản hợp tác (MOU) và nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ cộng đồng các SGDCK.

SGDCKTPHCM đã ký 8 biên bản hợp tác, ghi nhớ với các tổ chức và SGDCK trên thế giới trong đó có các SGDCK hàng đầu thế giới như NYSE, NASDAQ,

Franfurt...SGDCKTPHCM đã cùng 5 SGDCK trong khu vực bao gồm Thái Lan, Singapore, Phillipines, Indonesia và Malaysia nghiên cứu mô hình liên kết giao dịch với mục tiêu nhằm tăng cường giao dịch trong khối ASEAN, tăng cường sự hiện diện của thị trường vốn ASEAN trên trường quốc tế, tăng thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư nước ngoài. Ngoài ra tháng 04/2008 Sở đã được kết nạp làm thành viên của Hiệp hội các SGDCK Châu Á – Thái Bình Dương. Sự hợp tác giữa SGDCKTPHCM với các sở trong khu vực và trên thế giới đã hỗ trợ cho Sở trong việc chia sẻ kinh nghiệm quản lý TTCK, đào tạo nhân viên thông qua các đợt tập huấn, cung cấp tài liệu cho nghiên cứu, tư vấn về hệ thống công nghệ. Sự hỗ trợ này đặc biệt có ý nghĩa đối với một SGDCK còn non trẻ như SGDCKTPHCM.

- Bộ máy nhân viên trẻ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm năng lực chuyên môn tốt.

Phần lớn nhân viên làm việc tại SGDCKTPHCM còn trẻ, được đào tạo tại các trường khối kinh tế, nên hầu hết được trang bị những kiến thức cơ bản về TTCK. Với nền tảng có sẵn, nhân viên nhanh chóng nắm bắt công việc. Lãnh đạo tại các phòng ban nghiệp vụ hầu hết có trình độ Thạc sỹ, trong đó một số được đào tạo tại nước ngoài có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn tốt. Bên cạnh thực hiện công việc quản lý và chuyên môn hàng ngày, lãnh đạo của phòng nghiệp vụ đều tham gia thực hiện các dự án do SGDCKTPHCM phát động. Cán bộ, nhân viên của SGDCKTPHCM luôn phát huy tinh thần làm việc nhiệt tình, cẩn trọng, có mối quan hệ hợp tác tốt, sẵn sàng làm việc với áp lực cao.

### **2.5.2. Điểm yếu:**

- SGDCK chưa chủ động tiếp xúc với các doanh nghiệp tiềm năng.

Trong thời gian qua, SGDCKTPHCM phối hợp với các công ty chứng khoán, đơn vị báo đài thực hiện nhiều chương trình, hội thảo nhằm giới thiệu các công ty đại chúng lợi ích khi niêm yết cổ phiếu trên TTCK. Thông qua hình thức gián tiếp này, SGDCK mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp được nhưng thông tin cơ bản cho các doanh nghiệp về TTCK. Việc chủ động xuống các doanh nghiệp tiềm năng để mời chào, tư vấn niêm yết còn rất hạn chế. Các công ty có nhu cầu niêm yết cổ phiếu chủ yếu thông qua sự tư vấn trực tiếp của các công ty chứng khoán. Vì vậy, số

lượng công ty niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM còn rất nhỏ bé so với số lượng các công ty đại chúng hiện nay.

SGDCKTPHCM đã trở thành doanh nghiệp hạch toán thu chi độc lập. Hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM. càng nhiều thì quy mô thị trường càng lớn, giao dịch của nhà đầu tư sẽ trở nên sôi động hơn qua đó sẽ làm tăng nguồn thu. Bên cạnh đó, Sở cũng nâng cao hình ảnh, uy tín đối với các nhà đầu tư, các SGDCK trong khu vực và thế giới. Do vậy, trong thời gian tới, SGDCKTPHCM cần thành lập một bộ phận chuyên trách trực tiếp tiếp xúc với các doanh nghiệp niêm yết tiềm năng.

- Hệ thống công nghệ thông tin vẫn ở giai đoạn thô sơ so với các Sở giao dịch chứng khoán trong khu vực và thế giới.

Sở chưa xây dựng xong phần mềm công bố thông tin tự động kết nối trực tiếp nối mạng từ tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ đến SGDCKTPHCM, đến các công ty chứng khoán, thành viên lưu ký, ngân hàng chỉ định thanh toán. Hệ thống giám sát chưa có phần mềm chuyên nghiệp hỗ trợ phát hiện ra những biến động bất thường trên thị trường.

- Cơ chế hoạt động giữa các phòng ban chưa linh hoạt để đảm bảo hỗ trợ tốt cho nhau nâng cao hiệu quả làm việc.

Các phòng ban được thành lập mới, nên khi giải quyết một công việc cụ thể cần sự phối hợp của nhiều phòng ban, thì các bộ phận còn lúng túng và chưa thấy hết được trách nhiệm trong quá trình thực hiện. Vì vậy, SGDCKTPHCM cần phải xây dựng và áp dụng quy trình làm việc theo chuẩn ISO giúp các bộ phận trong Sở hoạt động linh hoạt hơn và góp phần giảm bớt rủi ro trong quá trình điều hành TTCK.

- Hoạt động tuyển dụng và đào tạo còn hạn chế.

Hoạt động tuyển dụng còn thụ động, chưa có chương trình liên kết giữa các trường đại học và SGDCK nhằm hỗ trợ đào tạo và tuyển chọn sinh viên vào làm việc tại SGDCK ngay từ khi còn đang học.

- Hoạt động quản lý thị trường đặc biệt hoạt động giám sát thị trường còn hạn chế do thiếu công nghệ hỗ trợ. Hệ thống giám sát không tự động kết nối được với hệ thống giao dịch, công bố thông tin, lưu ký.

Việc nghiên cứu điểm mạnh, điểm yếu, nguy cơ và cơ hội đối với SGDCKTPHCM chủ yếu nhằm mục đích để SGDCKTPHCM thấy rõ những lợi

thể cũng như bất lợi mà Sở có thể gặp phải trong thời gian tới, trên cơ sở đó SGDCKTPHCM sẽ có chiến lược phát triển cho phù hợp.

SGDCKTPHCM và TTGDCK HN là hai cơ quan cùng thực hiện chức năng điều hành TTCK. Hiện tại, do hàng hoá trên TTCK Việt Nam chưa phát triển mạnh mẽ, cấu trúc thị trường chưa được phân biệt rõ nên cả hai cơ quan đều thực hiện các biện pháp nhằm thu hút các công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu trên thị trường mình quản lý. Do vậy có sự cạnh tranh là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, sự cạnh tranh chỉ mang tính nhất thời. Trong thời gian tới, thực hiện lộ trình tái cấu trúc TTCK, mỗi SGDCK sẽ đảm nhiệm vai trò khác nhau trong việc điều hành TTCK Việt Nam. TTGDCKHN sẽ tập trung vào thị trường niêm yết cổ phiếu với điều kiện thấp và quản lý thị trường OTC, trong khi đó SGDCKTPHCM sẽ là nơi niêm yết những cổ phiếu có điều kiện cao hơn. Do vậy, tác giả không tập trung nhiều vào việc so sánh, đánh giá lợi thế giữa SGDCKTPHCM và TTGDCKHN.

Bảng 2.4. Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong của SGDCKTPHCM

| STT | Các yếu tố bên trong                                       | Mức độ quan trọng của yếu tố | Phân loại | Số điểm |
|-----|--|------------------------------|-----------|---------|
| 1   | Công nghệ  | 0,11                         | 4         | 0,44    |
| 2   | Số lượng chất lượng hàng hoá được gia tăng                 | 0,10                         | 3         | 0,30    |
| 3   | Phát hiện và xử lý vi phạm về TTCK còn hạn chế.            | 0,10                         | 3         | 0,30    |
| 4   | Hệ thống giao dịch ổn định, an toàn                        | 0,12                         | 4         | 0,48    |
| 5   | Hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm chưa mạnh.        | 0,08                         | 1         | 0,08    |
| 6   | Hoạt động marketing chưa hình thành rõ rệt.                | 0,08                         | 2         | 0,16    |
| 7   | Lực lượng lao động trẻ có trình độ và nhiệt tình công việc | 0,10                         | 3         | 0,30    |
| 8   | Lãnh đạo có năng lực và kinh nghiệm trong điều hành.       | 0,10                         | 3         | 0,30    |
| 9   | Các quy trình quản lý nghiệp vụ đã xây dựng                | 0,10                         | 3         | 0,30    |
| 10  | Quản trị rủi ro chưa hình thành rõ rệt.                    | 0,10                         | 2         | 0,20    |
|     | Tổng cộng  |                              |           | 2,86    |

Nguồn: Tác giả tự tính

Trên cơ sở khảo sát, trao đổi với các cán bộ, chuyên viên tại SGDCKTPHCM, TTGDCKHN và một số chuyên gia trong lĩnh vực chứng khoán, đồng thời kết hợp với kinh nghiệm bản thân, tác giả đã xây dựng lên ma trận đánh giá các yếu tố bên trong.

Mức độ quan trọng của các yếu tố được tác giả thực hiện thông qua việc khảo sát ý kiến của một số chuyên gia bằng bảng câu hỏi thang đo 4 điểm để thấy được mức độ quan trọng của các yếu tố trên đối với cơ quan điều hành TTCK, sau đó tính tổng cộng điểm trung bình. Để từ đó tính ra mức độ quan trọng của các yếu tố bên trong đối với cơ quan điều hành TTCK Việt Nam hiện nay.

Việc phân loại mức độ quan trọng của các yếu tố đối với SGDCKTPHCM được phân loại dựa trên kinh nghiệm của bản thân khi làm việc tại SGDCKTPHCM và qua trao đổi với cán bộ, chuyên viên tại SGDCKTPHCM.

Tổng cộng số điểm quan trọng là 2,86 cho thấy các yếu tố thuộc môi trường bên trong của SGDCK là khá tốt so với mức trung bình (2,5) của SGDCK và TTGDCK tại Việt Nam. Nhưng SGDCKTPHCM vẫn phải chú trọng nhiều trong quản trị rủi ro, trong hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm trong thời gian tới.

## **Tóm tắt chương II**

Sự ra đời của TTGDCK.TPHCM (sau này là SGDCKTPHCM) đã đánh dấu một mốc quan trọng trong hoạt động của hệ thống tài chính Việt Nam. Với vai trò là cơ quan trực tiếp điều hành TTCK tập trung, SGDCKTPHCM đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chuyển đổi mô hình hoạt động, đồng thời ban hành các quy chế cụ thể cho các lĩnh vực quản lý đối với TTCK nhằm tăng cường hoạt động điều hành TTCK.

Những thành tựu mà SGDCKTPHCM đạt được trong những năm qua đã phần nào khẳng định được uy tín của SGDCK trong con mắt nhà đầu tư trong và ngoài nước, cũng như các SGDCK các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, đứng trước một giai đoạn phát triển mới của TTCK Việt Nam, SGDCKTPHCM cần phải có chiến lược phát triển toàn diện. Để thực hiện vấn đề này, trong chương II tác giả đã phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thành thức đối với SGDCKTPHCM. Đây là cơ sở để SGDCKTPHCM có biện pháp khắc phục những điểm yếu, tận dụng tốt thời cơ và hạn chế nguy cơ xảy ra trong thời gian tới.

### **CHƯƠNG III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SGDCKTPHCM ĐẾN NĂM 2015**

#### **3.1. Một số định hướng của nhà nước về phát triển thị trường chứng khoán và thị trường vốn Việt Nam.**

##### **3.1.1. Định hướng phát triển TTCK đến năm 2010**

Trong chiến lược phát triển TTCK đến năm 2010 của Chính phủ, các SGDCK, TTGDCK cần phải đẩy mạnh công tác thu hút các công ty niêm yết cổ phiếu trên TTCK tập trung nhằm tạo nguồn hàng cho TTCK. Bên cạnh đó, các SGDCK, các TTGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán sẽ xây dựng và phát triển theo hướng hiện đại hoá. Hệ thống giám sát và công bố thông tin thị trường hoạt động theo hướng tự động hoá hoàn toàn.

Phát triển các định chế tài chính trung gian. Đây là bộ phận quan trọng đóng góp cho TTCK phát triển một cách ổn định và lâu dài. Theo đó, các công ty chứng khoán được phép tăng quy mô, phạm vi hoạt động nghiệp vụ nhằm tăng chất lượng cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Việc mở rộng mạng lưới các chi nhánh, các phòng giao dịch của công ty chứng khoán được khuyến khích. Bên cạnh đó, các thành phần kinh tế khác nhau được khuyến khích thành lập công ty chứng khoán.

Phát triển các nhà đầu tư có tổ chức bao gồm các ngân hàng thương mại, các công ty chứng khoán, các công ty tài chính, các công ty bảo hiểm, các quỹ bảo hiểm, quỹ đầu tư... các tổ chức này tham gia thị trường với vai trò là các nhà đầu tư chuyên nghiệp và thực hiện chức năng của nhà tạo lập thị trường. Đồng thời, phát triển các loại quỹ đầu tư chứng khoán, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nhỏ, các nhà đầu tư cá nhân tham gia vào thị trường chứng khoán thông qua góp vốn vào các quỹ đầu tư.

Nguồn: Thủ tướng chính phủ (2003), Quyết định số 163/2003/QĐ-TTg ngày 05/08/2003 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2010.

##### **3.1.2 Định hướng phát triển thị trường vốn đến năm 2020**

Thị trường vốn Việt Nam sẽ phát triển theo hướng nhanh, vững chắc trong đó TTCK đóng vai trò chủ đạo từng bước đưa thị trường vốn trở thành một cấu thành quan trọng của thị trường tài chính, góp phần đắc lực trong việc huy động vốn cho đầu tư phát triển và cải cách nền kinh tế. Sự phát triển này dựa trên nền tảng nền tảng đảm bảo tính công khai, minh bạch. Bên cạnh đó, thị trường vốn Việt Nam sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập với thị trường tài chính quốc tế. Phấn đấu đến năm 2020, thị trường vốn Việt Nam phát triển tương đương thị trường các nước trong khu vực.

Sự phát triển thị trường vốn đa dạng đáp ứng nhu cầu huy động vốn và đầu tư của mọi đối tượng trong nền kinh tế. Phấn đấu đến năm 2010 giá trị vốn hoá thị trường chứng khoán đạt 50% GDP và đến năm 2020 đạt 70% GDP.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, Chính phủ cũng đã đưa ra một số giải pháp chung như sau:

➤ Giải pháp thực hiện:

- Dài hạn:

+ Phát triển thị trường vốn theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh về cấu trúc (bao gồm thị trường cổ phiếu, trái phiếu, thị trường các công cụ phái sinh, thị trường tập trung và thị trường phi tập trung ...) vận hành theo thông lệ quốc tế tốt nhất, có khả năng liên kết với các thị trường quốc tế.

+ Phát triển mạnh các kênh cung cấp vốn cả trong và ngoài nước cho thị trường, mở rộng hệ thống các nhà đầu tư đặc biệt các nhà đầu tư có tổ chức, phát triển đầy đủ các định chế trung gian, đa dạng các dịch vụ cung cấp

+ Kết hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, hài hoà giữa mục tiêu huy động vốn cho tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững thị trường vốn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia

+ Tăng cường quản lý nhà nước, thực hiện có hiệu quả chức năng thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên thị trường.

- Trước mắt:

a) Phát triển qui mô, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hàng hóa để đáp ứng nhu cầu của thị trường:



+ Phát triển quy mô, đa dạng hoá các loại trái phiếu. các phương thức phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp trên thị trường vốn, phát triển các loại trái phiếu chuyển đổi của doanh nghiệp, trái phiếu công trình công trình để đầu tư vào các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia.

+ Đẩy mạnh chương trình cổ phần hoá doanh nghiệp, tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế và các ngân hàng thương mại nhà nước, gắn cổ phần hoá với niêm yết trên TTCK, mở rộng việc phát hành cổ phiếu mới để huy động vốn trên thị trường. Đối với những doanh nghiệp đã cổ phần hoá đủ điều kiện niêm yết phải thực hiện niêm yết, đồng thời tiến hành ra soát, thực hiện bán tiếp phần vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối. Chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang công ty cổ phần để niêm yết, giao dịch trên TTCK.

+ Phát triển các loại chứng khoán phái sinh.

b) Từng bước hoàn chỉnh cấu trúc của thị trường vốn, đảm bảo khả năng quản lý, giám sát của nhà nước.

+ Tách bạch thị trường trái phiếu ra khỏi thị trường cổ phiếu để hình thành thị trường trái phiếu chuyên biệt. Từng bước nghiên cứu hình thành và phát triển thị trường giao dịch tương lai cho các công cụ phái sinh, thị trường chứng khoán hoá các khoản cho vay trung, dài hạn của ngân hàng...

+ Phát triển thị trường cổ phiếu theo nhiều cấp độ khác nhau để đáp ứng nhu cầu phát hành cổ phiếu, niêm yết, giao dịch của nhiều loại hình doanh nghiệp và đảm bảo khả năng quản lý, giám sát của nhà nước theo hướng tách biệt thị trường giao dịch tập trung, thị trường giao dịch phi tập trung (OTC), thị trường đăng ký phát hành, giao dịch cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Chuyển trung tâm giao dịch chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán hoạt động theo mô hình công ty. Sở giao dịch chứng khoán, trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện chức năng tổ chức và giám sát giao dịch chứng khoán tập trung. Nâng cấp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của thị trường, đảm bảo khả năng liên kết với thị trường các nước trong khu vực.

+ Tổ chức thị trường chứng khoán phi tập trung OTC theo hướng có quản lý.

c) Phát triển các định chế trung gian và dịch vụ thị trường

+ Tăng số lượng hợp lý, nâng cao chất lượng hoạt động quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán... Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ cung cấp trên thị trường, nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng dịch vụ; đảm bảo tính công khai, minh bạch và bình đẳng trên thị trường.

+ Mở rộng phạm vi hoạt động của trung tâm lưu ký chứng khoán, áp dụng các chuẩn mực lưu ký quốc tế, thực hiện liên kết giao dịch thanh toán giữa thị trường vốn và thị trường tiền tệ.

d) Phát triển hệ thống nhà đầu tư trong và ngoài nước

+ Khuyến khích các định chế đầu tư chuyên nghiệp tham gia đầu tư trên thị trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện lộ trình mở cửa đối với các nhà đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài và thị trường Việt Nam theo lộ trình đã cam kết.

+ Đa dạng hoá các loại hình quỹ đầu tư

e) Hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của nhà nước.

f) Chủ động mở cửa, hội nhập với khu vực và quốc tế.

Nguồn: Thủ tướng chính phủ (2007), Quyết định 128/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Là một bộ phận của thị trường vốn, TTCK giữ vai trò quan trọng trong định hướng phát triển thị trường vốn của Chính phủ đến năm 2020. Trên cơ sở định hướng phát triển chung thị trường vốn và tình hình thực tế, SGDCKTPHCM đưa ra những mục tiêu cụ thể trong chiến lược phát triển của Sở đến năm 2015.

### **3.2. Mục tiêu phát triển của SGDCKTPHCM đến 2015**

- Tăng số lượng công ty niêm yết lên 400 đến 500 công ty (gấp đôi 2010) với tổng giá trị vốn hoá thị trường đạt trên 40%
- Triển khai giao dịch chứng khoán phái sinh
- Hoàn chỉnh hệ thống giao dịch mới đồng bộ với hệ thống giám sát, lưu lý – thanh toán bù trừ, bảo đảm giao dịch liên tục, thông suốt, an toàn và chính xác.

- Áp dụng phương thức giao dịch liên tục không sàn và tăng thời gian giao dịch lên 6-8 giờ/ngày.
- Giám sát, xử lý hiệu quả, kịp thời các sai phạm trên thị trường chứng khoán, đảm bảo thị trường hoạt động minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp các thành viên tham gia thị trường.
- Xây dựng hệ thống quản lý nội bộ theo tiêu chuẩn ISO.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và thân thiện, tạo mọi điều kiện để các thành viên trong tổ chức phát huy hết khả năng bằng những chế độ đãi ngộ thoả đáng về vật chất và tinh thần.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, SGDCKTPHCM cần xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2015 trên cơ sở phát huy tối đa các thế mạnh và hạn chế các điểm yếu để khai thác các cơ hội cũng như đối phó với các thách thức.

### 3.3. Chiến lược phát triển SGDCKTPHCM đến năm 2015

#### 3.3.1. Ma trận SWOT

Trên cơ sở phân tích môi trường đã thực hiện ở chương II, tác giả có thể xây dựng ma trận SWOT của SGDCKTPHCM như sau:

|  |   |   |
|--|---|---|
| <b>SWOT</b>  | <p><b>Cơ hội (Opportunities-O)</b><br/> O1. Chính sách của nhà nước khuyến khích phát triển TTCK<br/> O2. Môi trường chính trị ổn định.<br/> O3. TTCK Việt Nam thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài.<br/> O4. Số lượng các nhà đầu tư tham gia TTCK ngày càng đông.<br/> O5. Các kênh thông tin đa dạng</p> | <p><b>Đe dọa (Threatens -T)</b><br/> T1. Hệ thống pháp lý về TTCK chưa hoàn thiện<br/> T2. Sự suy thoái của nền kinh tế.<br/> T3. Sự ám hiệu của nhà đầu tư về TTCK còn hạn chế.<br/> T4. Việc luân chuyển nguồn vốn từ TTCK sang thị trường đầu tư khác.</p> |
| <p><b>Điểm mạnh (Strengths – S)</b><br/> S1. Số lượng chất lượng hàng hoá niêm yết được gia tăng<br/> S2. Hệ thống giao dịch ổn định<br/> S3. Lực lượng lao động trẻ có trình độ và nhiệt tình công việc<br/> S4. Lãnh đạo có năng lực và kinh nghiệm điều hành.<br/> S5. Các quy trình nghiệp vụ đã được xây dựng</p> | <p><b>Kết hợp S-O</b><br/> S1,S2,S3,S4,S5+O1,O2,O3,O4,O5:<br/> + Chiến lược gia tăng hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM.<br/><br/> S3,S4+O1,O2,O5:<br/> + Chiến lược phát triển nhân sự, đào tạo</p>   | <p><b>Kết hợp S-T</b><br/> S1,S2,S3,S4,S5+T2,T4:<br/> + Chiến lược marketing, đa dạng hoá sản phẩm.<br/><br/> S1,S3,S4,S5 + T1,T2<br/> + Tích cực tham gia xây dựng văn bản pháp lý.<br/> + Giám sát hoạt động công bố thông tin trên TTCK.</p>               |
| <p><b>Điểm yếu (Weaknesses – W)</b><br/> W1. Phát hiện và xử lý vi phạm còn hạn chế<br/> W2. Hoạt động nghiên cứu và phát triển mới bắt đầu hình thành.<br/> W3. Hoạt động marketing của SGDCKTPHCM chưa mạnh.<br/> W4. Quản trị rủi ro chưa rõ rệt.<br/> W5. Công nghệ chưa hiện đại.</p>                             | <p><b>Kết hợp W-O</b><br/> W1,W2,W4,W5+O1,O2,O4,O5:<br/> + Đầu tư đổi mới công nghệ<br/> W2,W3+O1,O2,O4:<br/> + Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.</p>  | <p><b>Kết hợp W-T</b><br/> W2,W3,W4+T1,T2,T3:<br/> + Tăng cường quan hệ quốc tế với các SGDCK trong khu vực và trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm.</p>  |

Ma trận SWOT đưa ra những gợi ý chiến lược phát triển cho người hoạch định. Thông qua việc kết hợp những điểm mạnh yếu, điểm yếu khác nhau của SGDCKTPHCM tác giả đưa ra 5 chiến lược là:

- Chiến lược về nhân sự và đào tạo
- Chiến lược gia tăng hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM
- Chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm
- Chiến lược về tăng cường quan hệ quốc tế
- Chiến lược marketing.

### **3.3.2. Xác định các chiến lược và một số giải pháp thực hiện**

#### **3.3.2.1. Chiến lược nhân sự và đào tạo**

Yếu tố con người là một nhân tố quan trọng tạo nên sự khác biệt không chỉ riêng với một ngành nghề nào. Do đó cần có chiến lược thu hút, phát triển và gìn giữ nhân tài.

Các giải pháp mang tính then chốt:

Tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá doanh nghiệp, tạo sự gắn bó giữa đội ngũ nhân viên với doanh nghiệp, phát huy sự năng động, sáng tạo của nhân viên trong công việc cũng như các hoạt động xã hội khác. Qua đó, giúp nhân viên thấy được sứ mạng, mục tiêu của doanh nghiệp và trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của SGDCKTPHCM.

Công tác tuyển dụng: Khi có nhu cầu lao động, SGDCKTPHCM cần tiếp tục tổ chức tuyển dụng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm đảm bảo tuyển được những người có năng lực chuyên môn giỏi đáp ứng được yêu cầu chức danh công việc. Việc tuyển dụng không chỉ dừng ở cấp độ nhân viên, mà ngày cả ở cấp lãnh đạo. Tuy nhiên, SGDCKTPHCM cần chú ý ưu tiên thăng tiến nội bộ, sự cống hiến của những nhân viên gắn bó lâu năm. Công tác tuyển dụng là khâu chọn lọc, gieo mầm cho đội ngũ nhân lực, do đó nó đóng vai trò quan trọng. Đến năm 2010 quy mô nhân sự sẽ tăng 5% so với năm 2009, từ năm 2011 trở đi sẽ tăng 10% so với năm liền kề để đến năm 2015 tổng số lượng người lao động tại SGDCK.TPHM là 400 người (trong đó đại học chiếm 50%, trên đại học chiếm 40%).

Trong công tác đào tạo, phòng nhân sự phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ tổ chức cho nhân viên tham gia các khoá học không chỉ về chứng khoán, ngoại ngữ mà còn các lớp liên quan đến nghiệp vụ như tài chính, kế toán... Để đảm bảo việc đào tạo có hiệu quả, hàng năm, các phòng ban nghiệp vụ cần có kế hoạch chi tiết nhu cầu đào tạo, kinh phí dự kiến. Hàng năm, các trưởng phòng ban cần đánh giá kết quả năng lực làm việc của nhân viên phòng mình. Trưởng các phòng ban phải có trình độ từ thạc sỹ trở lên và có khả năng ngoại ngữ tốt.

Các giải pháp mang tính hỗ trợ:

- Xây dựng môi trường làm việc công bằng, tạo cơ hội cho tất cả các nhân viên có thể cống hiến hết khả năng của bản thân. Trên cơ sở đóng góp của mỗi người mà trưởng các bộ phận đề xuất mức lương hiệu quả một cách xứng đáng.
- Do hoạt động trong lĩnh vực mới mẻ, có nhiều biến động, nên các phòng ban nghiệp vụ đặc biệt bộ phận Quản lý và thẩm định niêm yết, Quản lý thành viên, Giám sát giao dịch thường xuyên phải giải quyết những sự việc mới nảy sinh, đôi khi không được hướng dẫn một cách cụ thể trong các văn bản pháp luật. Những phòng này, định kỳ hàng quý nên tổ chức trao đổi kinh nghiệm xử lý vấn đề phát sinh. Đây là việc làm cần thiết, giúp những nhân viên mới, chưa có kinh nghiệm nhanh chóng tiếp cận công việc và chủ động giải quyết nhưng vụ việc tương tự nảy sinh. Mặt khác, qua hình thức này làm tăng tinh thần đoàn kết, phấn đấu của tất cả các thành viên trong phòng ban.

Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ quan trọng nằm trong chiến lược phát triển SGDCKTPHCM. Đây là tiền đề cơ bản để SGDCK thực hiện được các mục tiêu đặt ra.

### **3.3.2.2. Chiến lược gia tăng hàng hoá niêm yết trên SGDCKTPHCM.**

- Thu hút các công ty cổ phần tham gia niêm yết trên SGDCKTPHCM.

Số lượng: Tính đến 31/12/2008, SGDCKTPHCM có 170 công ty niêm yết. Số lượng này là rất nhỏ so với số lượng các công ty cổ phần đang hoạt động tại Việt Nam. Vì vậy, để mở rộng quy mô niêm yết là nhiệm vụ thường xuyên mà SGDCK

đặt ra phải thực hiện. Với mục tiêu có tăng số lượng công ty niêm yết lên đến 500 công ty vào năm 2015, đòi hỏi sự phối hợp giữa các phòng ban của Sở.

+ Tăng cường công tác tiếp xúc doanh nghiệp tiềm năng: Phòng PR phải phối hợp với phòng nghiệp quản lý và thẩm định niêm yết cử nhân viên trực tiếp xuống những doanh nghiệp tiềm năng để giới thiệu hoạt động niêm yết, hướng dẫn, tư vấn doanh nghiệp nếu cần thiết, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn tất hồ sơ trong quá trình thẩm định.

+ Công tác thẩm định hồ sơ: Phòng quản lý và thẩm định niêm yết đẩy nhanh tiến độ thẩm định hồ sơ. Để thực hiện được, Phòng cần chuyển một số nhân viên có kinh nghiệm ở khâu quản lý các công ty sang bộ phận thẩm định để tăng cường nhân sự cho bộ phận này. Rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi lên niêm yết.

+ SGDCK cần phối hợp với UBND các tỉnh hoặc Các sở thương mại, tổ chức các buổi giới thiệu cho các doanh nghiệp của tỉnh về sự cần thiết tham gia niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, cũng như những điều kiện cơ bản để niêm yết cổ phiếu trên SGDCKTPHCM. Đây không chỉ là kênh thu hút các công ty cổ phần quan tâm đến TTCK, mà còn góp phần nâng cao uy tín của SGDCKTPHCM.

+ Thiết lập một văn phòng tại Hà nội nhằm hỗ trợ các công ty chứng khoán giải quyết những vướng mắc trong công tác tư vấn cho doanh nghiệp cũng như hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp đang có nhu cầu niêm yết hoặc đang niêm yết trên SGDCK về mặt thủ tục niêm yết cũng như tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động marketing nhằm thu hút các công ty phía Bắc có đủ điều kiện lên niêm yết trên SGDCKTPHCM.

- Tăng cường tính minh bạch của các thông tin công bố trên TTCK.

Tăng cường tính minh bạch các thông tin trên TTCK là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với công tác quản lý thị trường tại mọi thời kỳ. Đây là nhân tố đảm bảo thị trường phát triển lành mạnh, tạo môi trường đầu tư lành mạnh cho các nhà đầu tư, qua đó sẽ thu hút được sự quan tâm của nhiều công ty cổ phần.

Mặc dù TTCK Việt Nam đã đi vào hoạt động được gần 8 năm, nhưng những vi phạm công bố thông tin từ các công ty niêm yết và các cổ đông nội bộ diễn ra

khá nhiều. Phổ biến là chậm trễ trong công bố thông tin hoặc những vi phạm giao dịch của cổ đông nội bộ. Mà nguyên nhân chính là công ty và các cổ đông nội bộ không nắm vững những quy định về công bố thông tin trên TTCK, đặc biệt là các công ty và cổ đông nội bộ của các công ty mới niêm yết. Mặt khác, do người được uỷ quyền phụ trách việc công bố thông tin tại các công ty niêm thường kiêm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau dẫn đến không nắm bắt được hết quy định hiện hành.

Nhiều công ty đã xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty nhưng chưa thực hiện một cách đầy đủ ví dụ một số công ty chưa thực hiện quy định phải có 1/3 thành viên hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành, hay một số công ty không cung cấp đầy đủ thông tin trên website của công ty cho nhà đầu tư tham khảo. Theo số liệu thống kê của SGDCKTPHCM đến cuối năm 2008 có 120/170 công ty thực hiện đúng quy định về số lượng thành viên hội đồng quản trị không điều hành tại công ty.

Vi vậy trong thời gian tới, SGDCKTPHCM tiếp tục tăng cường công tác giám sát, đôn đốc các công ty niêm yết nghiêm túc thực hiện việc công bố thông tin. Cụ thể áp dụng các biện pháp cảnh báo trên thị trường đối với các công ty cổ tình không thực hiện việc công bố thông tin theo quy định, mức cao hơn có thể đưa vào diện kiểm soát hoặc huỷ niêm yết nếu thấy cần thiết. Những biện pháp này nhằm đảm bảo cho TTCK hoạt động bền vững, nhất là khi số lượng các công ty niêm yết ngày càng đông.

SGDK.TPHCM tổ chức các khoá đào tạo cho người được uỷ quyền công bố thông tin của Công ty niêm yết ngay khi Công ty mới lên niêm yết. Các khoá học này sẽ giúp cho người được uỷ quyền công bố thông tin của Công ty nắm bắt được những quy định hiện hành, đồng thời ý thức được trách nhiệm khi làm nhiệm vụ này. Như vậy, sẽ góp phần hạn chế bớt những vi phạm của công ty cũng như cổ đông nội bộ trong công ty.

TTCK càng phát triển thì yêu cầu về sự công khai, minh bạch thông tin ngày càng trở nên quan trọng. Với vai trò là cơ quan điều hành thị trường TTCK, SGDCKTPHCM sẽ phải áp dụng nhiều biện pháp nhằm tăng cường sự minh bạch về thông tin của các công ty niêm yết. Thực hiện tốt công tác này không những góp phần tăng cường uy tín của SGDCK,TPHCM, tạo môi trường đầu tư bình đẳng hơn cho nhà đầu tư, mà còn thu hút được những công ty cổ phần tiềm năng, có chất lượng lên niêm yết.



### 3.3.2.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Trước sự phát triển của TTCK Việt Nam, việc nghiên cứu và đưa chứng khoán phái sinh vào giao dịch là hoàn toàn cần thiết, nhằm đa dạng hoá hàng hoá niêm yết trên TTCK, đồng thời tạo cơ hội cho nhà đầu tư giảm bớt rủi ro khi đầu tư. Hiện nay hầu hết các nước có TTCK đều có sản phẩm chứng khoán phái sinh để giao dịch.

Để có thể đưa được sản phẩm chứng khoán phái sinh vào giao dịch trong năm 2012 tại SGDCKTPHCM, đòi hỏi phải có sự nỗ lực từ nhiều cơ quan hữu quan khác nhau. Đối với SGDCKTPHCM cần phải có những công tác chuẩn bị:

- + Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn đã ra đời nhằm điều tiết TTCK cơ sở, nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn và quy định về chứng khoán phái sinh vẫn còn là một mảng chưa được xây dựng. Trong thời gian tới, SGDCK.TPHCM cần tích cực tham gia góp ý xây dựng văn bản hướng dẫn về chứng khoán phái sinh. Sau khi có văn bản luật hướng dẫn, SGDCK phải xây dựng và bổ sung vào quy chế hiện hành của Sở về những quy định liên quan đến chứng khoán phái sinh.
- + Tập trung vào công tác đầu tư mua sắm hệ thống công nghệ mới, phục vụ cho TTCK Việt Nam, trong đó có hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh và thanh toán bù trừ. Đồng thời Sở cũng cần sớm công bố lộ trình phát triển hạ tầng công nghệ cho các công ty chứng khoán để các Công ty này có thời gian đầu tư, chuẩn bị.
- + Xây dựng lộ trình đào tạo cụ thể cho nội bộ SGDCK, tăng cường công tác đào tạo cho đội ngũ nhân sự chuyên nghiên cứu và phát triển sản phẩm chứng khoán phái sinh thông qua các khoá đào tạo trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, việc tham khảo và được tư vấn trực tiếp từ các chuyên gia quốc tế về các sản phẩm chứng khoán phái sinh hiện có trên thế giới sẽ là những kiến thức thiết thực hỗ trợ cho công tác nghiên cứu và triển khai giao dịch.
- + Phối hợp với các cơ quan quản lý chuẩn bị kế hoạch để phổ biến kiến thức về chứng khoán phái sinh cho công chúng đầu tư. Việc đào tạo một cách bài bản sẽ rất có ích cho nhà đầu tư và cho cả thị trường.
- + Xây dựng chiến lược marketing phù hợp với đặc trưng của sản phẩm trong từng thời kỳ phát triển của thị trường. Trước khi sản phẩm chứng khoán phái

sinh được giao dịch, cần thực hiện các công việc giúp cho các nhà đầu tư và công chúng biết đến tiện ích của sản phẩm, để họ thực sự nhận thức được nhu cầu của thị trường đối với chứng khoán phái sinh và ủng hộ sự hình thành thị trường chứng khoán phái sinh của Việt Nam. Công việc này có thể kết hợp với công tác giáo dục nhà đầu tư thông qua tổ chức các buổi hội thảo, phát kèm với các tài liệu. SGDCK có thể xây dựng mô hình giả định trên Internet để nhà đầu tư có thể thử giao dịch trước khi chứng khoán phái sinh được giao dịch chính thức.

- + Tạo dựng và phát triển hệ thống nhà tạo lập thị trường cho hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh...

SGDCKTPHCM dự kiến đưa vào giao dịch là hợp đồng tương lai chỉ số vào năm 2012 và phấn đấu đến năm 2015 sẽ củng cố hoạt động giao dịch sản phẩm này, đồng thời hoàn tất và đưa vào giao dịch ổn định quyền chọn chỉ số.

Đối với một TTCK còn khá mới mẻ như Việt Nam, bên cạnh việc phát triển hàng hoá cơ sở thì việc nghiên cứu và phát triển những sản phẩm mới là nhu cầu rất cần thiết, góp phần giúp TTCK Việt Nam hội nhập sâu hơn vào các TTCK trên thế giới.

#### **3.3.3.4. Chiến lược về tăng cường quan hệ quốc tế**

Với mục tiêu hội nhập vào thị trường tài chính chứng khoán trong khu vực và trên thế giới, việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài là một trong những mục tiêu mà SGDCKTPHCM cần phải xúc tiến.

SGDCKTPHCM tiếp tục hoàn thành việc ký kết những biên bản ghi nhớ với hầu hết các Sở trên thế giới trong đó tập trung vào nội dung hợp tác nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trao đổi thông tin, đào tạo nhân lực, tổ chức hội thảo giữa hai nước nhằm giới thiệu, cũng như quảng bá hình ảnh các Sở giao dịch chứng khoán. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp trong nước có thêm thông tin khi có nhu cầu niêm yết tại nước ngoài. Thời gian tới SGDCKTPHCM sẽ ký kết với Sở giao dịch chứng khoán Tây Ban Nha, Brazil, Ý, Hungary.

Tích cực hợp tác với các SGDCK ASEAN để có thể triển khai hoạt động giao dịch liên kết giữa các Sở giao dịch vào năm 2020. SGDCKTPHCM cử cán bộ tham

gia các buổi hội thảo, khoá tập huấn tại các Sở giao dịch chứng khoán trong khối ASEAN để có những kinh nghiệm, kiến thức về công nghệ, việc vận hành TTCK. Đây là những bước đi ban đầu cho việc triển khai hoạt động giao dịch liên kết giữa các SGDCK như tạo điều kiện cho các công ty Việt Nam đang niêm yết tại SGDCKTPHCM có thể niêm yết trên cả SGDCK nước ngoài.

Tổ chức đào tạo trình độ ngoại ngữ cho nhân viên đặc biệt nhân viên tại những bộ phận nghiệp vụ thường xuyên phải tiếp xúc với nhà đầu tư nước ngoài.

Trên cơ sở hợp tác, SGDCKTPHCM mời các chuyên gia tại các SGDCK trong khu vực sang Việt Nam, hỗ trợ đào tạo nhân sự, xử lý sự cố hệ thống giao dịch, hỗ trợ công tác marketing, phát triển sản phẩm.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc tăng cường thiết lập mối quan hệ với các SGDCK trong khu vực sẽ giúp các Sở đi sau trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó có SGDCKTPHCM sẽ khắc phục được những điểm yếu hiện tại, tận dụng được cơ hội từ bên ngoài để phát triển theo kịp với các SGDCK trong khu vực.

### **3.3.3.5. Chiến lược marketing.**

Nhà đầu tư là thành phần không thể thiếu trong TTCK. Một TTCK hoàn hảo đến mấy, cũng sẽ không thể phát triển được nếu như không được sự hưởng ứng đồng đạo của các nhà đầu tư.

Chính vì vậy, với vai trò là cơ quan điều hành TTCK tập trung, SGDCKTPHCM cần chủ động đưa ra các biện pháp để góp phần đưa TTCK đến gần với người dân hơn.

- Phối hợp với các công ty chứng khoán thành viên, tổ chức những buổi giới thiệu kiến thức cơ bản và các quy định về TTCK cho người dân, những nhà đầu tư mới tham gia vào lĩnh vực này.
- Phối hợp với các SGDCK nước ngoài tổ chức hội thảo giới thiệu với các quỹ đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư chuyên nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính nước ngoài về TTCK Việt Nam trong đó có SGDCKTPHCM. Hiện tại số lượng các tổ chức đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại TTCK Việt Nam còn rất ít.
- Thực hiện quảng bá SGDCKTPHCM thông qua các phương tiện như các chương trình truyền hình, thiết lập cổng giao tiếp với nhà đầu tư trong và

ngoài nước thông qua mạng internet, điện thoại một cách chuyên nghiệp hơn, phát hành tờ rơi giới thiệu những sản phẩm đang được đầu tư, hướng dẫn tham gia đầu tư...

- Cung cấp thông tin kịp thời cho các hãng thông tin nước ngoài như Bloomberg, CNN, CNBC... Thậm chí xử lý thông tin thành những sản phẩm để bán cho các hãng thông tin, các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán, nhà đầu tư có nhu cầu về dữ liệu.
- Bản tin chứng khoán của SGDCCKTPHCM cần phải trình bày chuyên nghiệp hơn, có thêm những thông tin về diễn biến của TTCK của các nước trong khu vực và một số TTCK lớn trên thế giới như Mỹ.

Để thực hiện được những công việc trên, phòng quan hệ công chúng sẽ là phòng chủ trì phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ khác lên kế hoạch triển khai thực hiện.

Tất cả những biện pháp trên nhằm mục đích thu hút sự tham gia đồng đảo nhà đầu tư trong và ngoài nước đến TTCK Việt Nam nói chung và SGDCCKTPHCM nói riêng.

### **Tóm tắt chương III**

Trên cơ sở phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ đối với SGDCCKTPHCM tại chương II, trong chương 3 tác giả đã đề cập đến những mục tiêu mà SGDCCKTPHCM sẽ phải thực hiện trong thời gian tới đồng thời đưa ra những chiến lược và những giải pháp thực hiện.

SGDCCKTPHCM là một trong những cơ quan trực tiếp điều hành TTCK Việt Nam nên những mục tiêu của SGDCCKTPHCM trong giai đoạn tới đều nhằm tăng cường quy mô hàng hoá niêm yết trên SGDCK cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo yếu tố an toàn cho thị trường hoạt động. Để đạt được mục tiêu này, SGDCCKTPHCM cần có chiến lược phát triển tổng thể nhằm xây dựng và huy động sức mạnh tại tất cả các khâu các bộ phận trong Sở vào sự phát triển chung. Chiến lược về nhân sự nhằm đảm bảo cho SGDCCKTPHCM xây dựng một đội ngũ cán bộ nhân viên đủ khả năng đảm trách những công việc khó khăn trong thời gian tới. Chiến lược gia tăng hàng hoá đưa ra những giải pháp để tạo nguồn cung hàng hoá cho SGDCCKTPHCM. Chiến lược nghiên cứu phát triển nhằm định hướng những

sản phẩm trong tương lai mà SGDCKTPHCM cần phải triển khai để đáp ứng nhu cầu thị trường. Chiến lược tăng cường quan hệ quốc tế nhằm phát triển mối quan hệ song phương và đa phương với các đối tác trong khu vực và trên thế giới nhằm mở ra cho SGDCKTPHCM tiếp cận với những công nghệ hiện đại và phương thức quản lý TTCK một cách hiệu quả. Chiến lược marketing nhằm tăng cường thu hút sự quan tâm của công chúng đầu tư trong và ngoài nước để TTCK thực sự gần gũi hơn với đông đảo người dân. Đây cũng là tiền đề quan trọng để TTCK Việt Nam ngày càng hội nhập với TTCK trong khu vực và thế giới.

Những chiến lược tác giả đưa ra cho SGDCKTPHCM một mặt căn cứ vào những định hướng phát triển chung của thị trường chứng khoán, thị trường vốn mà Chính phủ đưa ra. Mặt khác, căn cứ vào tình hình biến động của TTCK nói riêng và nền kinh tế nói chung để đưa ra những chiến lược phù hợp.

## KẾT LUẬN

Sự ra đời của TTCK Việt Nam là nhu cầu khách quan trong nền kinh tế thị trường, góp phần huy động và bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế, đồng thời cũng mở ra những cơ hội đầu tư mới cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trước sự phát triển của TTCK cũng như những biến động của nền kinh tế, SGCK.TPHCM, với vai trò là một trong những cơ quan trực tiếp điều hành TTCK thứ cấp Việt Nam cần phải hoạch định một chiến lược phát triển dài hạn.

Để hoạch định chiến lược cho SGCKTPHCM đến năm 2015, tác giả đã vận dụng những cơ sở lý thuyết về hoạch định chiến lược để ứng dụng vào thực tiễn tại SGCKTPHCM. Trên cơ sở phân tích chiến lược hiện tại và những thay đổi trong môi trường kinh tế xã hội đang tác động đến sự phát triển chung của TTCK Việt Nam cũng như TTCK tập trung do SGCKTPHCM trực tiếp điều hành, tác giả đã trình bày những giải pháp phát triển cho SGCKTPHCM trong thời gian tới. Những giải pháp tác giả đưa ra một mặt nhằm hoàn thiện bộ máy hoạt động của SGCKTPHCM, mặt khác góp phần cho TTCK phát triển cả về quy mô và chất lượng.

Quy mô TTCK thứ cấp tại Việt Nam còn nhỏ bé so với tiềm năng hiện tại, chính vì vậy mà trong chiến lược phát triển của SGCKTPHCM, mục tiêu tăng cường thu hút số lượng các công ty niêm yết và phát triển chứng khoán phái sinh nhằm đa dạng hoá sản phẩm là vấn đề cần được quan tâm. Bên cạnh đó, công tác giám sát thị trường cũng cần phải nâng cao cả nhằm hỗ trợ cho TTCK phát triển một cách minh bạch.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, bên cạnh việc phát huy nguồn lực từ bên trong, cần phải có sự phối hợp đồng bộ bởi các cơ quan quản lý cấp trên là Bộ tài chính, UBCKNN cho đến các thành viên khác tham gia thị trường như các định chế tài chính, các nhà đầu tư nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý và tuân thủ nghiêm túc những quy định trên TTCK.

Với những nghiên cứu ban đầu trong một bản luận văn thạc sỹ, tác giả hy vọng đóng góp được phần nhỏ vào sự phát triển của SGCKTPHCM nói riêng cũng như sự phát triển của TTCK Việt Nam nói chung.